

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----



# **BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**

**THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

**Uông Bí - 2024**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

# **BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

## **KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**

### **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

*Ngày... tháng 12 năm 2024*

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ký tên, đóng dấu)

*Ngày... tháng 12 năm 2024*

**UBND TP. UÔNG BÍ**

(Ký tên, đóng dấu)

**MỤC LỤC**

MỤC LỤC .....	ii
DANH MỤC BẢNG .....	v
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết phải lập Kế hoạch sử dụng đất thành phố Uông Bí .....	1
2. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất .....	1
2.1. Căn cứ pháp lý.....	1
2.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ .....	2
3. Mục tiêu của lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Uông Bí.....	3
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	3
1.1. Điều kiện tự nhiên .....	3
1.1.1. Vị trí địa lý .....	3
1.1.2. Địa hình, địa mạo .....	4
1.1.3. Khí hậu .....	4
1.1.4. Thủy văn.....	5
1.1.5. Các nguồn tài nguyên.....	5
1.1.6. Thực trạng cảnh quan môi trường và cảnh quan đô thị.....	7
1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội .....	8
1.2.1. Về kinh tế .....	8
1.2.2. Công tác văn hóa xã hội .....	15
1.2.3. Quốc phòng an ninh .....	20
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cảnh quan môi trường .....	21
1.3.1. Thuận lợi, lợi thế .....	21
1.3.2. Tồn tại, hạn chế .....	22
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC .....	24
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	24
2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất .....	24
2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các hạng mục công trình trong KHSDĐ năm 2024 .....	30
2.1.3. Đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	36

2.1.4. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	37
2.1.5. Đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	38
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	38
2.2.1. Những mặt đạt được .....	38
2.2.2. Những tồn tại, hạn chế .....	39
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. ....	39
2.3.1. Nguyên nhân. ....	39
<b>III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025</b> .....	<b>40</b>
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ.....	40
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	41
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất .....	43
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.....	46
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	47
3.3.1. Tổng diện tích tự nhiên .....	49
3.3.2. Nhóm đất nông nghiệp .....	49
3.3.2. Nhóm Đất phi nông nghiệp .....	51
3.3.3. Đất chưa sử dụng.....	56
3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025.....	56
3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2025. ....	57
3.6. Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng năm 2025 .....	57
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	58
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất .....	58
3.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	58
3.8.2. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai .....	58
3.8.3. Phương pháp tính toán .....	58
3.8.4. Kết quả tính toán .....	59
<b>IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025</b> .....	<b>61</b>

4.1. Giải pháp về nguồn vốn .....	61
4.2. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư .....	61
4.3. Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai .....	62
4.4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ .....	63
4.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch .....	63
<b>KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ</b> .....	<b>64</b>
1. Kết luận .....	64
2. Kiến nghị.....	65

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Uông Bí.....	24
Bảng 02: Danh mục công trình đã thực hiện xong trong năm 2024 .....	30
Bảng 03. Danh mục các công trình dự án đã thực hiện xong đang hoàn thiện thủ tục giao đất/ Cho thuê đất.....	31
Bảng 04. Danh mục các công trình dự án đang thực hiện một phần (đã có Quyết định giao đất/ Cho thuê đất/đấu giá quyền SDD một phần diện tích).....	32
Bảng 05. Danh mục các công trình dự án không còn nhu cầu hoặc không đủ điều kiện thực hiện tiếp (không chuyển tiếp sang kế hoạch 2025). .....	35
Bảng 6: Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh .....	40
Bảng 07: Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết của thành phố Uông Bí.....	43
Bảng 08: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và hiện trạng sử dụng đất năm 2024.....	47
Bảng 09: Bảng cân đối thu chi trong năm kế hoạch 2025.....	60

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1. Sự cần thiết phải lập Kế hoạch sử dụng đất thành phố Uông Bí**

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh, kinh tế phát triển dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm định hướng cho các cấp, các ngành lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết; là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất... và đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời việc lập kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm hạn chế việc sử dụng đất chồng chéo, lãng phí, bất hợp lý, kém hiệu quả, ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái, kìm hãm phát triển sản xuất cũng như phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với sự phát triển kinh tế thì nhu cầu về đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, các công trình phúc lợi phục vụ an sinh xã hội và nhu cầu về đất ở tăng cao trong khi quỹ đất có hạn, nhiệm vụ đặt ra là phải phân bổ, sử dụng quỹ đất hợp lý và có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường sinh thái và thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025, dựa trên cơ sở quy định của pháp luật đất đai, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân TP. Uông Bí tổ chức triển khai việc: ***“Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh”***.

### **2. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất**

#### **2.1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH 14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2017;

- Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH 12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/07/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Quyết định số 29/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Ông Bí;
- Quyết định 3666/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Ông Bí;
- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Ông Bí.
- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## **2.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Ông Bí đến năm 2040;

- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 của thành phố;
- Báo cáo tình hình kết quả Kinh tế - Xã hội và công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố năm 2024, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025;
- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, đơn vị;
- Số liệu kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai năm 2024 của các xã, phường, thành phố Uông Bí;
- Danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố;
- Các tài liệu, số liệu về đất đai và phát kinh tế – xã hội trên địa bàn thành phố Uông Bí.

### **3. Mục tiêu của lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Uông Bí**

- Tạo ra một tầm nhìn chiến lược trong quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất của Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Phân bổ quỹ đất hợp lý cho các ngành, các đối tượng sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả cao.
- Làm định hướng cho việc sử dụng đất của các ngành theo quy hoạch kế hoạch, là cơ sở pháp lý cho việc giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.
- Tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hút các dự án đầu tư, các khu trung tâm văn hoá - xã hội và dịch vụ góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá theo chiến lược phát triển kinh tế – xã hội năm 2025.
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên trong quá trình khai thác sử dụng đất theo hướng bền vững.
- Làm cơ sở để quản lý và sử dụng đất theo quy định của pháp luật, xử lý các sai phạm trong quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn Thành phố.

## **I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **1.1.1. Vị trí địa lý**

Thành phố Uông Bí nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Quảng Ninh cách thành phố Hạ Long 45 km, cách Hà Nội 120 km, cách Hải Phòng 30 km. Tổng diện tích tự nhiên là 25.679,63 ha chiếm 4,03% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh, Vị trí địa lý của Uông Bí nằm trong khoảng từ 21<sup>00</sup>' đến 21<sup>10</sup>' Vĩ độ Bắc và từ 106<sup>40</sup>' đến 106<sup>52</sup>' Kinh độ Đông:

- Phía Bắc giáp huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang;
- Phía Nam giáp Thị xã Quảng Yên và thành phố Hải Phòng;

- Phía Đông giáp Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Tây giáp thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thành phố Ông Bí nằm cách không xa hai khu trung tâm kinh tế lớn Hải Phòng và Hạ Long, có đường Quốc lộ 18, đường Quốc lộ 10 và tuyến đường sắt Hà Nội - Kép - Bãi Cháy chạy qua đã tạo cho Ông Bí một vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế - văn hoá - xã hội, thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Ông Bí là một trong những địa bàn quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

### **1.1.2. Địa hình, địa mạo**

Thành phố Ông Bí nằm trong vòng cung Đông Triều - Móng Cái chạy dài theo hướng Tây - Đông, Kiến tạo địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, Phía Bắc cao nhất là dãy núi Yên Tử, có đỉnh 1,068m; phía Nam thấp nhất là vùng bãi bồi; trũng ngập nước ven sông Đá Bạc. Địa hình chia cắt bởi 8 lạch triều lớn nhỏ từ sông Đá Bạc.

Theo đặc điểm địa hình, Ông Bí có 2/3 diện tích là đất đồi núi dốc nghiêng từ phía Bắc xuống phía Nam và được phân tách thành 3 vùng: vùng cao chiếm 63,04% tổng diện tích tự nhiên; vùng thung lũng chiếm 1,2 % tổng diện tích tự nhiên và vùng thấp chiếm 35,76% diện tích tự nhiên Thành phố.

### **1.1.3. Khí hậu**

Do vị trí địa lý và địa hình nằm trong cánh cung Đông Triều - Móng Cái, có nhiều dãy núi cao ở phía Bắc và thấp dần xuống phía Nam đã tạo cho Ông Bí một chế độ khí hậu đa dạng, phức tạp vừa mang tính chất khí hậu miền núi vừa mang tính chất khí hậu miền duyên hải.

Dãy núi Bình Hương với độ cao 384 - 358 m nằm giữa vùng núi Yên Tử và núi Bảo Đài đã tạo nên dải thung lũng dài, hẹp và vùng đất thấp làm cho khí hậu Ông Bí phân thành nhiều tiểu vùng khác nhau.

#### **a. Nhiệt độ**

Nhiệt độ trung bình năm là 22,2 °C; Mùa hè nhiệt độ trung bình 22 – 30 °C, cao nhất 34 – 36 °C. Mùa đông nhiệt độ trung bình 17 – 20 °C, thấp nhất 10 – 12 °C. Số giờ nắng trung bình mùa hè 6 - 7 giờ/ngày, mùa đông 3 - 4 giờ/ngày, trung bình số ngày nắng trong tháng là 24 ngày.

#### **b. Chế độ mưa**

Tổng lượng mưa trung bình năm là 1.600 mm, cao nhất là 2.200 mm, thấp nhất là 1.200mm. Số ngày có mưa trung bình năm là 153 ngày.

Với chế độ mưa tập trung và phân hoá theo mùa, cùng với các tác nhân khác (*hoạt động công nghiệp, chặt phá rừng...*) đã chi phối mạnh nền sản xuất nông nghiệp của Thành phố cũng như ảnh hưởng rõ rệt đến môi trường và đời sống của nhân dân.

### *c. Chế độ gió*

Có hai hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam thổi vào mùa hè và hướng Đông Bắc vào mùa đông. Trong các tháng mùa hè thường chịu ảnh hưởng của mưa bão với sức gió và lượng mưa lớn.

Gió bão: Cũng như các huyện thị khác ven biển Bắc Bộ, trung bình mỗi năm có khoảng 2-3 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp tới Uông Bí.

### *d. Độ ẩm không khí*

Trung bình năm 81%, cao nhất 89,3%, thấp nhất 50,8%. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 3, có độ ẩm trung bình là 84,8%, thấp nhất là tháng 11, có độ ẩm trung bình là 76,5%.

Nhìn chung, Uông Bí chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu Đông Bắc bộ mang nét đặc trưng nóng ẩm, mưa nhiều về mùa hè, hanh khô kéo dài về mùa đông. Với đặc điểm khí hậu như vậy. Uông Bí có điều kiện tương đối thuận lợi để phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp. Tuy nhiên với lượng mưa bão tập trung, địa hình dốc là những nguyên nhân chính gây nên xói mòn, úng lụt, ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp nói riêng, phát triển kinh tế của Thành phố nói chung.

### **1.1.4. Thủy văn**

TP. Uông Bí chịu ảnh hưởng trực tiếp chế độ nhật triều vịnh Bắc bộ, biên độ dao động thủy triều trung bình 0,6 m.

Hệ thống sông suối của Thành phố phần lớn là các sông nhỏ, diện tích lưu vực hẹp, nguồn nước và lưu lượng không lớn.

Ngoài hệ thống sông suối, Uông Bí còn có hệ thống hồ ao, có khả năng cung cấp nước cho sản xuất, và có thể tổ chức thành những điểm nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho khách du lịch. Tuy nhiên khả năng cung cấp nước của các hồ này cũng rất hạn chế về mùa khô.

### **1.1.5. Các nguồn tài nguyên**

#### *a. Tài nguyên đất*

Theo số liệu tính đến tháng 11/2024 cho thấy tổng diện tích tự nhiên của Thành phố Uông Bí là 25.679.63 ha.

Theo tài liệu điều tra thổ nhưỡng của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp xây dựng năm 2003, tài nguyên đất của Thành phố được chia thành 7 nhóm, 8 đơn vị đất và 11 đơn vị đất phụ.

#### *b. Tài nguyên nước*

Tài nguyên nước của Thành phố Uông Bí có từ các nguồn nước mặt, nước ngầm, Chế độ thủy văn của Uông Bí chịu ảnh hưởng trực tiếp của biên độ giao động thủy triều trung bình 0,6 m.

*- Nguồn nước mặt:*

Có 4 con sông chính chảy qua địa bàn Thành phố là sông Đá Bạc, sông Vàng Danh, sông Ôông, sông Sinh, 05 hồ nước ngọt là hồ Yên Trung, Ôông Tại, Ba Za, Đàm Mây, Tân Lập, Ngoài ra còn hệ thống suối, kênh mương và hồ đập cung cấp nước cho toàn Thành phố.

Nhìn chung nguồn nước mặt của Thành phố Ôông Bí đang bị cạn dần và ô nhiễm do nạn phá rừng và khai thác than lộ thiên.

*- Nguồn nước ngầm:*

Do địa hình dốc, nguồn nước ngầm hạn chế, mạch nước sâu. Nhìn chung nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp ở Ôông Bí rất hạn chế, đặc biệt rất khó khăn vào mùa khô. Trong thời gian tới cần có biện pháp cải tạo, xây dựng các công trình dự trữ nước mưa, phủ xanh đất trống, bảo vệ rừng và đưa nước ngọt từ nơi khác đến để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

*c. Tài nguyên rừng*

Theo số liệu tính đến tháng 11/2024 thì Thành phố Ôông Bí có diện tích đất lâm nghiệp là 14.193,97 ha trong đó: Đất rừng sản xuất là 9.376,76 ha; đất rừng phòng hộ là 2.478,77 ha; đất rừng đặc dụng là 2.338,43 ha.

Thảm thực vật rừng của Ôông Bí nhìn chung là nghèo, nhỏ và phân tán.

Động vật rừng ở Ôông Bí khá phong phú, đa dạng tập trung chủ yếu ở khu vực rừng Yên Tử.

Rừng ở Ôông Bí có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy cần phải có chính sách đầu tư, khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng.

*d. Tài nguyên khoáng sản*

Than đá là nguồn khoáng sản lớn nhất của Ôông Bí, tổng diện tích dành cho khai thác than khoảng trên 600 ha. Đây là ngành công nghiệp chủ đạo đóng góp rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Ngoài than đá, Ôông Bí còn có khả năng khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, cung cấp nhu cầu về vật liệu xây dựng cho địa bàn Thành phố và các vùng lân cận.

*e. Tài nguyên nhân văn*

Với truyền thống lịch sử, nguồn nhân lực dồi dào, đội ngũ công nhân được đào tạo có trí, đức và kinh nghiệm sản xuất, có tính cần cù, chịu khó và những tiềm năng sẵn có, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ôông Bí sẽ trở thành một Thành phố có nền kinh tế - văn hoá - xã hội phát triển xứng đáng là một trong những địa bàn chiến lược của tỉnh Quảng Ninh.

### **1.1.6. Thực trạng cảnh quan môi trường và cảnh quan đô thị**

Môi trường có tầm quan trọng rất đặc biệt đối với đời sống con người và sinh vật, liên quan chặt chẽ với nguồn tài nguyên thiên nhiên, với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự sống của con người.

Với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - du lịch và nông - lâm - ngư nghiệp, cảnh quan thiên nhiên của Thành phố Ông Bí đã bị tác động mạnh mẽ, môi trường đã có dấu hiệu bị ô nhiễm mà các nguyên nhân chủ yếu là:

- Các hoạt động công nghiệp (khai thác than, sản xuất điện, khai thác vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng...).
- Quá trình đô thị hoá và hoạt động du lịch.
- Sản xuất nông nghiệp...

Đối với Thành phố Ông Bí việc phát triển của ngành khai thác than là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường. Tại các vùng mỏ (khu vực phía Đông Bắc Thành phố) có sự biến đổi mạnh mẽ các thành phần, điều kiện địa lý tự nhiên: bề mặt địa hình bị biến dạng nghiêm trọng; phá vỡ sự hài hoà vốn có của cảnh quan, môi trường thiên nhiên trên phạm vi lãnh thổ lớn; chiếm dụng nhiều diện tích rừng, đất nông nghiệp, đặc biệt là đất canh tác bị thu hẹp đáng kể với tốc độ nhanh và tăng diện tích bãi thải...

Việc khai thác than ảnh hưởng đến rừng đầu nguồn bị tàn phá có nguy cơ gây ra lũ lụt phá huỷ các công trình xây dựng, kiến trúc, gây xói mòn, rửa trôi làm đất đai bị bạc màu, suy kiệt, làm mất khả năng giữ nước ngầm, tăng tốc độ dòng chảy trên bề mặt, ảnh hưởng tới việc cung cấp nước cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Ngoài ra, khói, bụi và tiếng ồn trong quá trình vận chuyển than từ mỏ xuống cảng cũng ảnh hưởng rất lớn đến môi trường của Thành phố.

Hoạt động sản xuất điện với công nghệ nhiệt điện, khai thác đá, sản xuất xi măng cũng là một trong những nguyên nhân góp phần gây ra ô nhiễm cho Thành phố.

Môi trường nước cũng bị ảnh hưởng bởi chất thải trong các hoạt động khai thác khoáng sản, chất thải trong công nghiệp, hoạt động dịch vụ và sinh hoạt.

Ngoài ra, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp việc sử dụng các loại hoá chất như phân hoá học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ... cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và phá vỡ cân bằng sinh thái tự nhiên.

Chính vì vậy, trong những năm qua Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc quy hoạch, quan trắc và thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng, mở rộng diện tích rừng ngập mặn, cải thiện chất lượng môi trường nước, không khí; thu gom, xử lý rác thải, nhờ đó đã giải quyết phần

nào những bức xúc về ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm trong sản xuất điện, vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến, vận chuyển than, đất đá. Thông qua công tác xã hội hoá, trong những năm qua, Thành phố đã huy động được hàng chục tỷ đồng từ các doanh nghiệp phục vụ cho việc giảm thiểu tác động xấu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường sống..

## **1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

### **1.2.1. Về kinh tế**

- Sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất CN - TTCN - ước thực hiện tháng 9 (tính theo giá so sánh năm 2010) đạt 2.750 tỷ đồng; Ước thực hiện 9 tháng đạt 27.850 tỷ đồng = 106,04 % so với cùng kỳ. Một số sản phẩm khác đạt kết quả khá. Phối hợp với Công ty cổ phần công nghiệp Cẩm Thịnh nắm bắt tình hình các đơn vị đăng ký vào hoạt động tại Cụm công nghiệp Phương Nam; theo đó đến nay đã có 05 nhà đầu tư thứ cấp đăng ký vào hoạt động tại cụm công nghiệp (Công ty cổ phần Công nghiệp Cẩm Thịnh đã ký hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất với 05 nhà đầu tư thứ cấp trong đó có 04 nhà đầu tư trong nước và 01 nhà đầu tư nước ngoài).

- Giao thông, vận tải: doanh thu vận tải ước thực hiện tháng 9 đạt 350 tỷ đồng; ước thực hiện 9 tháng đạt 1.783 tỷ đồng = 71,14% so cùng kỳ.

- Thương mại, dịch vụ: Tổng mức luân chuyển hàng hoá lưu thông trên thị trường ước thực hiện tháng 9 đạt 3.014 tỷ đồng; Ước thực hiện 9 tháng đạt 19.016 tỷ đồng = 125,43% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ (theo giá thực tế) trên địa bàn đạt ước thực hiện tháng 9 đạt 3.000 tỷ đồng, ước thực hiện 9 tháng đạt 18.850 tỷ đồng.

- Về du lịch: ra mắt nhà trưng bày không gian văn hoá đồng bào dân tộc Dao Thanh Y và mô hình du lịch cộng đồng người Dao Thanh Y thôn khe Sú II xã Thượng Yên Công . Chỉ đạo, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, chỉnh trang di tích Yên Tử và chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ đón đoàn chuyên gia của ICOMOS (chuyên gia người Ấn Độ) cùng đơn vị tư vấn, Sở Văn hoá và Thể thao về thẩm định Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử trình UNESCO công nhận là di sản thế giới. Hoàn thành sản phẩm số hoá lĩnh vực Du lịch và tổ chức thành công Hội nghị công bố ra mắt sản phẩm thăm quan thực tế ảo VR 3600 quần thể di tích quốc gia đặc biệt Yên Tử. Lũy kế từ ngày 01/1/2024 đến ngày 23/9/2024 toàn thành phố đón 3.093.027 lượt khách = 115% so với cùng kỳ = 96,7% so với kế hoạch tính giao năm 2024. Trong đó: Yên tử đón 656.410 lượt; Ba Vàng đón 1.615.200 lượt, còn lại là các điểm du lịch khác. Khách quốc tế đạt 72.192 lượt. Doanh thu du lịch đạt trên 1.701,150 tỷ đồng = 117% so với cùng kỳ. Riêng doanh thu vé tham quan Yên Tử đạt gần 20 tỷ đồng. Ước hết

tháng 9 năm 2024, toàn thành phố đón 3,1 triệu lượt khách, doanh thu du lịch ước đạt 1.705 tỷ đồng.

- Về sản xuất nông, lâm nghiệp: Kết quả gieo trồng vụ đông xuân 2023-2024 ước thực hiện là 1.366,5 ha = 115% KH = 100,4% so cùng kỳ (cây trồng vụ đông 2023: 177,7 ha; cây trồng vụ xuân 2024: 1.188,8 ha). Tổng diện tích gieo trồng vụ mùa 2024 ước thực hiện là 1.531 ha/1435 ha = 106,7% so KH = 100,2% so với cùng kỳ. Về tiến độ trồng Lim, Giổi, Lát: Tổng diện tích đã trồng là 20,61ha = 68,7% KH tính giao, trong đó trồng tập trung là 11,6 ha, trồng phân tán là 9.010 cây (9,01ha). Báo cáo UBND tỉnh về đề xuất Quy hoạch không được phép chăn nuôi tại 27 khu thuộc 04 phường: Thanh Sơn, Trung Vương, Quang Trung và Yên Thanh. Triển khai công tác kiểm kê rừng, thường xuyên kiểm tra, nắm bắt tình hình, tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân làm tốt công tác BV và PCCCR. Sản lượng thủy sản tháng 9 đạt 125 tấn (trong đó khai thác 75 tấn; nuôi trồng 50 tấn). Ước 9 tháng đạt 1.428 tấn = 60,27%KH = 98,3% so cùng kỳ. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp thành phố đã đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ.

- Về tỷ lệ che phủ rừng: đến hết năm 2023, diện tích rừng trên địa bàn thành phố Uông Bí là 12.828,5 ha, tương đương tỷ lệ che phủ rừng đạt 50,2%. Con bão số 3 đã gây thiệt hại cho 5.203,83 ha rừng, trong đó thiệt hại nặng không có khả năng phục hồi hoặc phục hồi rất chậm là 5.093,83 ha (phần lớn là diện tích đã thành rừng), diện tích này phải tiến hành tận thu, dọn dẹp mặt bằng để trồng lại rừng và không tham gia vào che phủ rừng trong năm 2024 - 2025. Mặt khác, diện tích đã hoàn thành khai thác rừng từ đầu năm 2024 đến nay là 369,17 ha; diện tích trồng rừng từ năm 2022 dự kiến đủ tiêu chí thành rừng và tham gia che phủ rừng trong năm 2024 - 2025 là khoảng 180 ha. Như vậy, sau bão số 3, diện tích rừng trên địa bàn thành phố dự kiến còn lại khoảng 7.665,5 ha (diện tích rừng còn lại = 12.828,5 ha - 5.093,83 ha - 369,17 ha + 180 ha) tương đương với tỷ lệ che phủ rừng của thành phố đạt 30,01% (giảm 20,21% so với trước bão số 3).

- Trong đợt mưa kéo dài ngày 08-09/6/2024 trên địa bàn thành phố Uông Bí có nhiều điểm ngập lụt, ngập lụt cục bộ nhiều tuyến đường (quốc lộ 18 có 4 điểm ngập lụt tại phường Yên Thanh, Nam Khê, Phương Đông); sạt lở một số điểm và ngập lụt nhà dân (toàn thành phố có 1.092 hộ dân bị ngập) và Chợ Trung tâm Uông Bí (ảnh hưởng 359 tiểu thương). UBND thành phố đã chủ động khắc phục do mưa lớn, chủ động ứng phó thiên tai, trong đó, đã chỉ đạo nắm chắc tình hình nhân dân, tiểu thương và thống kê thiệt hại do mưa lớn kéo dài để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

- Về ảnh hưởng của cơn bão số 3: Tại Uông Bí, nơi ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề

của Bão số 3 đã làm 18 người bị thương; 21 nhà bị sập, đổ, 5.354 nhà bị tốc mái, bị ngập nước; 5 công trình QP-AN, 48 trường học; nhiều cơ sở y tế công trình văn hoá, di tích lịch sử; trụ sở, cơ quan bị hư hại. Gần 248 ha lúa, rau màu bị thiệt hại; trên 5 nghìn ha rừng, 10.651 cây xanh đô thị, 72.359 cây ăn quả bị gãy đổ; 30.283 con gia súc; gia cầm bị chết, bị cuốn trôi; trên 200 cơ sở nuôi, trồng thủy sản bị ảnh hưởng; 232 cột điện, trạm biến thế bị gãy đổ, hư hại; 3.330 công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhà xưởng, xí nghiệp; 11 chợ, trung tâm vin com bị hư hại; nhiều tuyến giao thông bị sạt lở, chia cắt, xói mòn; tuyến Đê cấp 4 Điền Công bị xói mòn, nước tràn qua mặt Đê; nhiều đập, ngầm, cầu bị hư hại, xói mòn, đặc biệt là ngầm tràn Sông sinh; Cầu tràn Nhà máy điện. Tổng thiệt hại ước tính khoảng 3.200 tỷ đồng. Ngay từ khi Bão số 3 hình thành, tiến vào Biển Đông, nguy cơ ảnh hưởng tới đất liền nước ta, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, cụ thể điều kiện của Thành phố, theo dõi sát diễn biến để ứng phó kịp thời. Các đồng chí lãnh đạo thành phố, các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố đã chỉ đạo sát sao, trực tiếp xuống địa bàn chỉ đạo, đôn đốc về phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ, sạt lở, ngập úng. Các ngành, địa phương đã phối hợp chặt chẽ, nhanh chóng; người dân tin tưởng, ủng hộ, đoàn kết thực hiện phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo hướng dẫn... Nhờ đó, tình hình thiệt hại do bão, lũ được giảm thiểu; sau hơn 1 tuần khắc phục hậu quả bão, lũ, với sự chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo thành phố, đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, “trương thân, tương ái”, quyên góp ủng hộ, giúp Nhân dân bị thiệt hại do mưa bão, ngập úng sớm ổn định cuộc sống... khôi phục lại sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn.

Về công tác hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng do bão số 3: MTTQ Việt Nam thành phố Ông Bí đã tiếp nhận và hỗ trợ 20 tấn gạo, cấp phát cho UBND các xã phường để hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, bị thiệt hại do bão số 3 (P. Vàng Danh: 05 tấn; P. Bắc Sơn: 05 tấn; X. Thượng Yên Công: 02 tấn; P. Phương Nam: 02 tấn; Các phường: Phương Đông, Nam Khê, Trung Vương, Quang Trung, Thanh Sơn, Yên Thanh: mỗi địa phương 01 tấn). Tiếp nhận và hỗ trợ hiện vật: gồm mỳ tôm: 200 thùng; Nước uống: 148 chai nước lọc (loại 5 lít) và 14 thùng loại chai 0,5 lít; Sữa Fami: 29 thùng cấp phát cho UBND các xã, phường để hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, bị thiệt hại do bão số 3. Ngày 18/9/2024, MTTQ Việt Nam thành phố Ông Bí tiếp tục tiếp nhận một số hàng hóa, nhu yếu phẩm từ Ủy ban MTTQ tỉnh (04 tấn gạo, 40 thùng lương khô, 80 thùng mỳ tôm, 150 thùng nước uống và một số đồ thịt hộp). MTTQ sẽ tiếp tục cấp phát cho UBND các xã, phường để hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, bị thiệt hại do bão số 3. Về an sinh xã hội: Thành phố đã chỉ đạo tổ chức thăm hỏi, động viên các gia đình có người bị thương, thiệt hại nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn bằng hiện vật và tiền mặt

với số tiền 620 triệu đồng cùng với các nhu yếu phẩm cần thiết khác (trên địa bàn phường Vàng Danh, Bắc Sơn và Trung Vương, Thanh sơn, quang trung, Nam Khê). Ngân hàng NN&PTNT Uông Bí trực tiếp trao hỗ trợ cho 10 xã, phường: 150.000.000 đồng. Hội được tư nhân Thành phố đã ủng hộ quyên góp được 50 gói thuốc thiết yếu trị giá 5 triệu đồng. Ngoài ra, các đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh đã đến tận nơi hỗ trợ, tặng quà động viên cho một số doanh nghiệp và nhiều hộ dân bị thiệt hại trên địa bàn phường Bắc Sơn, Vàng Danh...

Để đảm bảo công tác an sinh xã hội, thực hiện hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai sau cơn bão số 3, đảm bảo ổn định đời sống Nhân dân. UBND thành phố đã thành lập 03 Tổ công tác để rà soát, làm thủ tục hỗ trợ đối với các hộ gia đình khó khăn, chính sách theo quy định. Thành phố đã hỗ trợ 98 hộ dân có nhà bị đổ sập, hư hỏng nặng (trong đó 05 hộ xây mới; 93 hộ sửa chữa) với tổng số tiền 2,575 tỷ đồng; đã thực hiện hỗ trợ 03 trường hợp bị thương do bão mỗi người 5 triệu đồng. Thành phố tiếp tục tập trung chỉ đạo công tác rà soát, thống kê, xác định thiệt hại theo từng mức độ; ngay sau khi tỉnh Quảng Ninh ban hành cơ chế chính sách mới, thành phố sẽ triển khai hỗ trợ theo quy định. Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực UB-QY kịp thời tuyên truyền, thông tin các chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế đến các doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh bị thiệt hại về vật chất do ảnh hưởng của thiên tai gây ra. Hiện nay Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên đang triển khai các giải pháp hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị tổn thất do bão số 3 và mưa lũ sau bão theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Các Ngân hàng trên địa bàn thành phố nắm bắt tình hình thiệt hại của khách hàng vay vốn (mức độ thiệt hại, ảnh hưởng, dư nợ vay bị ảnh hưởng...) để có các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Ngay trong và sau cơn bão, công tác chỉ đạo, phối hợp huy động lực lượng phòng ngừa, ứng phó... khắc phục hậu quả được triển khai đồng bộ, quyết liệt, nhờ vậy đã hạn chế được thấp nhất thiệt hại do bão số 3 gây ra, khắc phục nhanh chóng các thiệt hại, khôi phục các tiện ích cơ bản (điện, nước, viễn thông...), hỗ trợ kịp thời các hộ dân bị ảnh hưởng do bão. Nhân dân đoàn kết cùng cấp chính quyền, các lực lượng chức năng, bày tỏ ghi nhận đồng thuận, đánh giá cao.

- Về tài chính ngân sách: + Về thu ngân sách: Đến 24/9, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt: 2.658 tỷ đồng/3.715 tỷ đồng KH Tỉnh và TP giao = 71,5% dự toán Tỉnh và thành phố giao, = 95% so cùng kỳ; Ước 9 tháng đạt 2.750 tỷ đồng/3.715 tỷ đồng, đạt 74% dự toán tỉnh và thành phố giao, = 95% so với cùng kỳ. Đến 24/9, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giao thành phố chịu trách nhiệm thu đạt 626,762 tỷ đồng/796 tỷ đồng KH Tỉnh và TP giao = 78,7% dự toán Tỉnh và thành phố giao = 130% cùng kỳ; Ước 9 tháng đạt 645 tỷ đồng/796 tỷ đồng KH Tỉnh và

TP giao = 81% dự toán Tỉnh và thành phố giao = 137% cùng kỳ. Đến 24/9, thu ngân sách địa phương trên địa bàn đạt: 741,974 tỷ đồng/902,1 tỷ đồng KH Tỉnh và TP giao = 82,2% dự toán Tỉnh và thành phố giao, = 111% so cùng kỳ; Ước 9 tháng đạt 758 tỷ đồng/902,1 tỷ đồng, bằng 84% dự toán tỉnh và thành phố giao, = 111% so với cùng kỳ.

+ Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương đến 24/9 đạt 709,111 tỷ đồng/967,429 tỷ đồng KH Tỉnh và TP giao bằng 73,3% dự toán Tỉnh và thành phố giao, bằng 137% so cùng kỳ; trong đó: Chi thường xuyên đạt 526,705 tỷ đồng; Chi đầu tư XDCC: 182,406 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương ước 9 tháng đạt 735 tỷ đồng/967,429 tỷ đồng KH Tỉnh và TP giao bằng 76% dự toán Tỉnh và thành phố giao, bằng 137% so cùng kỳ; trong đó: Chi thường xuyên đạt 550 tỷ đồng; Chi đầu tư XDCC: 185 tỷ đồng.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: tiếp tục quyết liệt chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công, Ông Bí là một trong những địa phương thuộc tốp đầu của tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công. Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 hết ngày 23/9/2024 là 165,462 tỷ đồng = 60,5% KH đầu năm (273,6 tỷ đồng) = 42,2% KH điều chỉnh (392,384 tỷ đồng), trong đó (1) NS Tỉnh là 2,15 tỷ đồng = 21,5% KH (10 tỷ đồng); (2) Ngân sách Thành phố là 159,166 tỷ đồng = 60,4% KH đầu năm (263,6 tỷ đồng) = 42,3% KH điều chỉnh (376,545 tỷ đồng) và (3) Ngân sách xã là 4,136 tỷ đồng = 70,8% KH (5,839 tỷ đồng). Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 hết ngày 23/9/2024 là 19,091 tỷ đồng = 39% KH (48,9239743 tỷ đồng). Ước giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 hết tháng 9/2024 là 198,886 tỷ đồng = 72,7% KH đầu năm (273,6 tỷ đồng).

Tiếp tục chỉ đạo triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố, chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất trên địa bàn. Chỉ đạo triển khai công tác xây dựng dự toán ngân sách năm 2025. Chỉ đạo rà soát, đề xuất danh mục các công trình, dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Về công tác giải phóng mặt bằng: tập trung thực hiện các dự án trọng điểm, động lực: hoàn thành Dự án Đường ven sông kết nối từ cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1), tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các dự án: (1) Dự án Tuyến đường Yên tử kéo dài, đoạn từ quốc lộ 18A đến quốc lộ 10 và đường 10 làn xe thành phố Ông Bí: diện tích đủ điều kiện bàn giao là 1,914/2,01 km đạt 95,2%. Đối với các hộ dân trên địa bàn phường Phương Nam chưa nhận tiền với giá trị bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và các phòng, ban đơn vị liên quan đang triển khai các bước tiếp theo đúng quy định. (2) Dự án Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thành phố Ông Bí/Bộ Chỉ huy quân

sự tỉnh Quảng Ninh/Quân khu 3 và Dự án Khu đất hoán đổi cho trại giam tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án tuyến đường ven sông tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí: Đã hoàn thành 100% công tác kiểm điểm (Dự án Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thành phố Uông Bí: 62 hộ dân và 89 mộ do 35 hộ quản lý (đều là mộ đã cải tiễu); Dự án Khu đất hoán đổi cho trại giam tỉnh Quảng Ninh: 24 hộ dân): hiện đang triển khai các bước tiếp theo quy định. (3) Chỉ đạo chuẩn bị các bước để thực hiện công tác GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338 đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến Quốc lộ 18. Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, UBND thành phố Uông Bí tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo của trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công tác GPMB thực hiện các dự án.

- Công tác quy hoạch, quản lý đô thị: Đẩy nhanh tiến độ lập mới các quy hoạch phân khu A, C; điều chỉnh quy hoạch phân khu I, F, K, G1, B, J, H. Tiếp tục hoàn thiện Phân khu A theo ý kiến của các sở, ban, ngành; trình Sở Xây dựng xem xét báo cáo xin ý kiến Bộ Quốc phòng và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo. Đã hoàn thiện và đang triển khai thực hiện 4 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500<sup>1</sup>. Tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện 7 đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500<sup>2</sup> theo ý kiến của các Sở, ngành, tham mưu UBND thành phố phê duyệt.

---

<sup>1</sup>Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường đại học Ngoại thương - cơ sở Quảng Ninh tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của trụ sở HĐND & UBND thành phố Uông Bí tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí; Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu đất hoán đổi cho trại giam tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án tuyến đường ven sông tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí; Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm Hành chính - Chính trị phường Nam Khê, thành phố Uông Bí.

<sup>2</sup>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mặt bằng nút giao giữa Quốc lộ 10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài thuộc phường Phương Nam, thành phố Uông Bí; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87); Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (Đoạn từ đường Yên Trung đến đường Yên Tử); Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1/500 Mặt bằng sân công nghiệp +125 mỏ than Nam Mẫu tại xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí; Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí; Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ công viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí.

Lập mới 5 đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500<sup>3</sup>. Hoàn thiện, gửi Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị của thành phố Ông Bí đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung thành phố, đảm bảo theo kế hoạch Nghị Quyết đại hội đã đề ra. Đã chỉnh sửa hoàn thiện Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Ông Bí trình Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh phê duyệt. Trong 9 tháng đầu năm, đã cấp 741 GPXD, 122.991,27 m<sup>2</sup> sàn, tăng 41,4% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, có 06 tổ chức với 10.443,08 m<sup>2</sup> sàn; 735 cá nhân với 112.549,2 m<sup>2</sup> sàn. Giá trị thuế xây dựng thu là 6.155.757.440 đồng.

- Về công tác tài nguyên, môi trường: triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh QHSDĐ của thành phố thời kỳ 2021-2030. Triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Rà soát cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn rừng. Chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư có sử dụng đất, mặt nước, chậm tiến độ, vi phạm pháp luật trên địa bàn theo chỉ đạo của Tỉnh. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra 03 dự án chậm tiến độ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai làm căn cứ để báo cáo UBND tỉnh xem xét gia hạn tiến độ thực hiện dự án. Tăng cường công tác kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai 22 trường hợp phạt tiền vi phạm hành chính 197.000.000đ và số tiền thu lợi bất hợp pháp do hành vi vi phạm có được là 263 triệu đồng. Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường đối với khu vực khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp mặt bằng. Tổ chức tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 09/5/2019 của Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý tài nguyên than, khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các phòng, ban đơn vị liên quan kiểm tra ranh giới mỏ, hiện trạng sử dụng đất và công tác bảo vệ môi trường tại khu vực khai thác đất tại phường Bắc Sơn của Công ty TNHH Xây dựng và vận tải Hưng Thịnh và khu khai thác sét của Công ty CP sản xuất và thương mại than Ông Bí.

---

<sup>3</sup>Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa khu 6, phường Quang Trung, thành phố Ông Bí; Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 dự án vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại Khu Điền Công 3, phường Trung Vương, thành phố Ông Bí; Điều chỉnh cục bộ (lần 3) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Bến bãi, kho hàng hóa của Công ty TNHH Tiên Lâm tại khu vực cảng Điền Công, phường Quang Trung, thành phố Ông Bí; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Cải tạo đường dây 110kV Phá Lại - Trảng Bạch - Ông Bí, tỉnh Hải Dương và Quảng Ninh (Đoạn tuyến đi qua địa phận thành phố Ông Bí); Điều chỉnh cục bộ lần 2 Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chung cư cao tầng của Công ty than Nam Mẫu - TKV tại phường Yên Thanh, thành phố Ông Bí.

### 1.2.2. Công tác văn hóa xã hội

- Hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao: Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm văn hóa đặc sắc phục vụ người dân và du khách. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chào mừng, kỷ niệm các ngày lễ, các sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương. Phối hợp với Thanh tra Bộ Văn hóa và Thể thao, Sở Văn hóa và Thể thao kiểm tra hoạt động quản lý di tích, tổ chức lễ hội xuân Giáp Thìn năm 2024 tại chùa Ba Vàng, Khu di tích, danh thắng Yên Tử và được đoàn kiểm tra đánh giá cao về công tác quản lý và tổ chức. Tổ chức thành công Lễ đón bằng di tích cấp tỉnh đối với hang núi Hồ, hang núi Xếp Bằng phường Phương Nam. Tổ chức xét tặng Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Trần Nhân Tông lần thứ II (giai đoạn 2019 - 2023), dự kiến trao thưởng trong tháng 9/2024. Tham gia thi đấu giải Việt dã truyền thống lần thứ 53, năm 2024 và tiếp tục bảo vệ ngôi vô địch toàn đoàn (giữ vững ngôi vô địch 52/53 lần tổ chức giải). Xây dựng Kế hoạch tổ chức giải chạy "YEN TU Heritage 2024 - Chạm vào vùng di sản" nhằm tuyên truyền, quảng bá về quần thể Di tích và danh thắng Yên Tử (dự kiến tổ chức ngày 08/12/2024).

- Công tác giáo dục và đào tạo: Ngành giáo dục đã chủ động, linh hoạt điều chỉnh chương trình, kế hoạch giáo dục, phương pháp dạy học và hoàn thành năm học 2023 - 2024 bảo đảm chất lượng, duy trì sỹ số. Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục mũi nhọn ổn định. Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được duy trì và giữ vững. Tỷ lệ trường công lập chuẩn quốc gia đạt 100%; tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt 71,8%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024 - 2025 và phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 bảo đảm an toàn, đúng quy chế. Công tác giáo dục có sự chuyển biến tích cực, kết quả thi vào THPT năm học 2024-2025 điểm trung bình của học sinh Ông Bí đứng thứ 2 toàn tỉnh, chất lượng giáo dục mũi nhọn được nâng lên, tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt thứ hạng cao. Tham gia có chất lượng kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thi học sinh giỏi cấp Tỉnh và các giải văn nghệ, thể dục - thể thao năm học 2023-2024; 01 học sinh đạt Huy chương Vàng - Toán quốc tế do Ban tổ chức IMC tổ chức; 01 học sinh đạt giải Trạng nguyên tuổi 13 - Toàn quốc. Tuyển chọn lực lượng và tham gia HKPD tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI với 9/11 môn; cử 08 học sinh tham gia HKPD toàn quốc lần thứ X và đạt được 11 Huy chương. Chỉ đạo rà soát, luân chuyển cán bộ quản lý giai đoạn 2023-2025, bổ sung quy hoạch, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các trường học để chuẩn bị cho năm học mới 2024-2025. Tổ chức thành công lễ khai giảng năm học 2024-2025, ổn định nền nếp dạy - học và sỹ số học sinh.

- Công tác Lao động - Thương binh và xã hội: Chỉ đạo triển khai tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội; lao động việc làm và công tác bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách với người có công. Tổ chức thăm hỏi, trợ cấp quà tết, vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tết với tổng số quà Tết được hỗ trợ 19.286 suất quà, trị giá 11,554 tỷ đồng. Quan tâm tạo việc làm mới cho người lao động gắn với giảm nghèo bền vững, ước hết 30/9/2024 tạo việc làm ước đạt  $3.157/3.600$  lượt lao động = 87.7%. Trong đó: Nông - Lâm - Ngư nghiệp = 220 lao động; Công nghiệp - Xây dựng = 1.756 lao động; Thương mại dịch vụ = 1.181 lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90%. Thực hiện xã hội hoá nguồn lực hỗ trợ 01 hộ nghèo, 100 hộ cận nghèo đủ điều kiện thoát nghèo, cận nghèo. Đến nay, tổng số tiền vận động hộ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo của thành phố và UBND các xã, phường là tổng số tiền 2.179.550.000 đồng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 16-CT/TU, ngày 10/5/2024 của Ban Thường vụ Thành uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước; quản lý, giáo dục thanh thiếu nhi, học sinh trên địa bàn thành phố Ông Bí, nhất là trong dịp hè, đã tổ chức 92 lớp học bơi cho 1.380 trẻ, trong đó: Thành phố tổ chức 32 lớp cho 480 trẻ em có HCKK; UBND các xã, phường xã hội hoá tổ chức 12 lớp cho 180 trẻ; Dạy bơi phụ huynh đóng học phí: 48 lớp với tổng 720 học sinh tham gia. Kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2024) đã tổ chức thăm và tặng 5.435 suất quà = 3,79 tỷ đồng. Vận động và kết nối các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn đỡ đầu cho 49 trẻ có hoàn cảnh khó khăn, mất nguồn nuôi dưỡng với số tiền: 528 triệu đồng. Do ảnh hưởng của bão số 3 Yagi gây thiệt hại về nhà cửa, thành phố đã thành lập 3 tổ công tác đi thăm định để hỗ trợ các hộ gia đình sửa chữa và xây mới nhà ở. Kết quả sau khi đi thăm định đã có 98 hộ gia đình đủ điều kiện xây mới và sửa chữa, trong đó có 5 hộ đề nghị xây mới và 93 hộ đề nghị sửa chữa. Nhân dịp Tết Trung thu năm 2024, nhằm động viên và chia sẻ trẻ em bị ảnh hưởng của bão Yagi, Thành phố tổ chức 4 đoàn thăm tặng quà trẻ em tại 4 phường Vàng Danh, Bắc Sơn, Trung Vương, Phương Nam và tặng 20 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về pháp luật lao động, BHXH, ATVSLĐ tại 16/20 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Còn 4 doanh nghiệp dự kiến kiểm tra vào cuối tháng 9/2024. Triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tính đến ngày 16/9/2024, thành phố đã có 96/96 hộ đã xây dựng, sửa chữa nhà ở. Trong đó, có 20/22 hộ đã hoàn thành việc xây mới (03 hộ đang hoàn thiện) và 74/74 hộ hoàn thành sửa chữa nhà ở. Nguồn kinh phí đã giải ngân hỗ trợ cho các hộ là 4,6 tỷ đồng/4,72 tỷ đồng, đạt 97,5% KH.

- Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm, Chỉ đạo tăng cường kiểm tra công tác quản lý nhà nước về ATTP tại các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh tại chợ, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Đã kiểm tra 325 cơ sở. Tổ chức thành công Lễ phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024 tỉnh Quảng Ninh tại thành phố Ông Bí với hơn 1.000 người tham gia. Tổng số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế đạt trên trên 356,5 nghìn lượt người (trong đó bệnh viện VN-TĐ Ông Bí 237.181 lượt; Trung tâm y tế và các trạm y tế 75.389 lượt; Trung tâm y tế Mạo Khê cơ sở 2 18.000 lượt; các phòng khám doanh nghiệp và tư nhân 26.000 lượt). Chỉ đạo Trung tâm y tế, các xã phường tập trung rà soát các tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030 để duy trì kết quả đối với 07 đơn vị đã đạt Bộ tiêu chí năm 2023 và tiếp tục rà soát chuẩn bị hồ sơ đối với 03 đơn vị đăng ký đạt bộ tiêu chí trong năm 2024. Tiến tới 100% xã phường đạt và duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030. Các đơn vị đăng ký năm 2024 gồm phường Bắc Sơn; phường Vàng Danh; xã Thượng Yên Công. Các chỉ tiêu về y tế, dân số đều đạt kết quả đề ra.

- Công tác chuyển đổi số: báo cáo kết quả 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức Hội nghị phát động cuộc thi trực tuyến về tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử thành phố Ông Bí về tìm hiểu kiến thức chuyển đổi số toàn diện thành phố năm 2024 bắt đầu từ ngày 20/8 đến hết ngày 08/9/2024 cho toàn thể công dân trên địa bàn thành phố.

- Công tác tiếp công dân: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc tiếp công dân định kỳ nhằm lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường tập trung giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các kỳ tiếp xúc Đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh, HĐND thành phố; các nội dung chất vấn, trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND thành phố. Trong 9 tháng đầu năm, Tổng số lượt tiếp: 189 lượt, số người được tiếp: 303 người; số vụ việc: 137 vụ việc (tiếp lần đầu: 84 vụ, tiếp nhiều lần: 53 vụ); số đoàn đông người được tiếp: 06 đoàn/72 người. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn: Tổng số đơn: 250 đơn. Trong đó: Kỳ trước chuyển sang: 01 đơn; tiếp nhận trong kỳ: 249 đơn. Số đơn đã xử lý: 250 đơn/ Tổng số đơn tiếp nhận: 250 đơn; Số đơn: 250, số vụ việc: 174, đủ điều kiện xử lý: 250 đơn/174 vụ việc. Các đơn đều được UBND thành phố chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

- Công tác thanh tra: Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 03 cuộc. Số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang: 01 cuộc, số cuộc triển khai trong kỳ: 02 cuộc; số cuộc theo kế hoạch: 02 cuộc, số cuộc đột xuất: 01

cuộc. UBND thành phố đã hoàn thành 02 cuộc kiểm tra<sup>4</sup>. Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 2 cuộc<sup>5</sup>. Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 7 đơn vị<sup>6</sup>. Phát hiện vi phạm: Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra: Kiến nghị xử lý vi phạm: Xử lý về kinh tế: 29.182.000đ. Xử lý trách nhiệm: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. Tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan đơn vị khắc phục các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền đến nay đã cơ bản hoàn thành khắc phục các kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

- Công tác tư pháp: Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý vào văn bản QPPL: Trong 9 tháng đầu năm 2024, phòng Tư pháp đã thẩm định 01 văn bản quy phạm pháp luật ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Uông Bí (so với cùng kỳ năm 2023 giảm 03 văn bản). Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ pháp lý được tăng cường chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường và Hội đồng Phối hợp công tác PBGDPL thành phố tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, trong đó tập trung vào Phổ biến, Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, trong đó tập trung vào Phổ biến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5 trên địa bàn thành phố Uông Bí như<sup>7</sup>. Trong 9 tháng đầu năm 2024, các thành viên của Hội đồng phối hợp PBGDPL thành phố và các xã, phường đã tổ chức được 152 cuộc tuyên truyền pháp luật trực tiếp với 31.256 lượt người tham dự, cấp phát 127.825 tài liệu tuyên truyền pháp luật. Tổ chức đánh giá xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, ban hành Quyết định công nhận các xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

4 (1) Kết luận kiểm tra số 977/KL-UBND ngày 10/4/2024 về việc kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Uông Bí; (2) Kết luận số 352/KL-UBND ngày 01/02/2024 về kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đối với các công trình do UBND phường Nam Khê và phường Trung Vương làm chủ đầu tư.

5(2) Kết luận số 01/KL-TTr ngày 12/01/2024 của Chánh Thanh tra thành phố về thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị của thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 2015-2022); Kết luận số 01/KL-TTr ngày 26/8/2024 Thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (theo Quyết định số 16/QĐ-TTr ngày 03/6/2024);

6(3) Các đơn vị được thanh tra theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 26/8/2024: UBND phường: Trung Vương; Yên Thanh; Phòng Kinh tế, Phòng Y tế; Trung tâm truyền thông và Văn hóa thành phố; Cuộc quy hoạch: phòng Tài chính - Kế hoạch; phòng Quản lý đô thị thành phố.

7 Luật Căn cước; Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); Luật Viễn thông (sửa đổi); Luật Đất đai (sửa đổi); Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi) và 11 Nghị quyết.

Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính: Trong 9 tháng đầu năm phòng Tư pháp đã phối hợp rà soát 45 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, giao thông đường bộ, phòng chống tệ nạn xã hội...

- Về công tác tôn giáo: tình hình tôn giáo trên địa bàn thành phố tiếp tục được đảm bảo an toàn. Tuy nhiên về an ninh tôn giáo đáng chú ý cuối tháng 12/2023 tại chùa Ba Vàng đã tổ chức lễ cúng rước và chiêm bái "Xá lợi tóc của Đức Phật" đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, bình luận trái chiều của cộng đồng mạng, UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị chức năng nắm tình hình các hoạt động tại các cơ sở tôn giáo trên địa bàn, đặc biệt nắm các hoạt động tại Yên Tử, Ba Vàng, Phổ Am, việc quản lý khóa tu mùa hè tại các cơ sở tôn giáo đảm bảo theo đúng quy định. Chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường công tác quản lý nhà nước về tổ chức Lễ Vu Lan báo hiếu năm 2024 tại các cơ sở tôn giáo theo quy định. Làm việc với Đoàn kiểm tra của Ban Tôn giáo Chính phủ về kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại chùa Ba Vàng.

- Về công tác chính quyền: tập trung xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ, thực sự là của dân, do dân và vì dân, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu. Thực hiện điều động, biệt phái cán bộ theo quy định(1) Hoàn thiện, trình Sở Nội vụ thẩm định Đề án vị trí việc làm đối với các trường học, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và UBND các xã, phường; (2) Tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Ông Bí; Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm trong cơ quan Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Ông Bí sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm; (3) Rà soát, tổng hợp trình Sở Nội vụ nhu cầu hợp đồng lao động và số lượng người làm việc đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc thành phố năm học 2023-2024. Chỉ đạo rà soát, xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND thành phố giai đoạn 2020-2025 (2021-2026); 2025-2030 (2026-2031). Chỉ đạo giải quyết các ý kiến kiến nghị của cử tri đảm bảo theo đúng lộ trình. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện về Luật dân chủ ở cơ sở, Dân vận chính quyền. Chuẩn bị chu đáo các báo cáo, tờ trình phục vụ các kỳ họp của HĐND thành phố.

### 1.2.3. Quốc phòng an ninh

Trong 9 tháng, tình hình AN-TT trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng được bảo vệ an toàn. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tiếp tục được giữ vững. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh tư tưởng, văn hóa, bảo vệ bí mật nhà nước, đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin, an ninh tôn giáo, dân tộc. Trong kỳ ghi nhận xảy ra 39 vụ tội phạm về trật tự xã hội, trong đó phạm pháp hình sự (không tính án cờ bạc, mại dâm do chủ động đấu tranh) được kéo giảm 13,1% số vụ so với cùng kỳ năm 2023 (33/38 vụ). Tỷ lệ điều tra, khám phá án chung đạt 82% (điều tra làm rõ 32/39 vụ), riêng án rất nghiêm trọng đạt 100% (làm rõ 2/2 vụ, 02 đối tượng, bắt giữ ngay sau khi gây án). Phát hiện, bắt giữ xử lý 26 vụ/80 đối tượng đánh bạc, thu giữ trên 100 triệu đồng, trong đó xử lý hình sự 06 vụ/33 đối tượng, xử lý hành chính 20 vụ/47 đối tượng. Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng “Xã, phường sạch ma túy”; tập trung triển khai các biện pháp làm sạch đối với 03 xã, phường: Trung Vương, Bắc Sơn và Thượng Yên Công. Phát hiện, bắt giữ xử lý hình sự phát hiện xử lý hình sự 45 vụ/62 đối tượng (trong đó có 05 ổ nhóm/15 đối tượng); thu giữ 339,372g ma túy các loại; xử lý hành chính 02 vụ/13 đối tượng. Đặc biệt, trong đó phát hiện, bắt giữ 01 vụ/01 đối tượng mua bán trái phép chất ma túy là bán nấm thực thần có ma túy loại Psilocybin và Psilocybine, là lần đầu được phát hiện, bắt giữ trên địa bàn thành phố cũng như cả tỉnh Quảng Ninh. Tai nạn giao thông ghi nhận xảy ra xảy ra 37 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 18 người, bị thương 44 người, so với cùng kỳ năm 2023, tăng 09 vụ, tăng 02 người chết, tăng 24 người bị thương; xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm bị thương 01 người, so với cùng kỳ năm 2023, tăng 01 vụ, tăng 01 người bị thương. Xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trên 3.645 trường hợp, phạt tiền hơn 10,4 tỷ đồng. Kiểm tra an toàn PCCC đối với 1.343 lượt cơ sở, xử phạt hành chính 152 trường hợp vi phạm, phạt tiền 126,5 triệu đồng. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ và mô hình điểm Đề án 06 đảm bảo đúng tiến độ; tổ chức thu nhận hồ sơ cấp Căn cước cho trên 26.500 trường hợp. Triển khai Luật lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; duy trì thực hiện tốt mô hình “An ninh cơ sở”, các mô hình camera an ninh và xây dựng triển khai mô hình “Vì bình yên vùng non thiêng Yên Tử” phục vụ đón bắt cơ hội đưa Khu di tích Danh thắng Yên Tử trở thành Di sản thế giới.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn thực hiện tốt công tác ứng trực, phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, sẵn sàng cơ động xử trí các tình huống xảy ra trên địa bàn không để bị động, bất ngờ. Tổ chức thành công Lễ giao, nhận quân năm 2024, đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao với 150 tân binh; Lễ ra quân huấn luyện năm 2024. Là địa

phương đầu tiên trong tinh tổ chức phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh cho 500 tầng ni, phật tử trên địa bàn thành phố. Tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực kỷ niệm 70 năm ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024). Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 689-NQ/QUTU ngày 10/10/2014 của Quân ủy Trung ương, Nghị quyết số 132-NQ/ĐU ngày 15/7/2016 của Đảng ủy Quân khu và Nghị quyết số 1034-NQ/ĐU ngày 26/3/2015 của Đảng ủy Quân sự tỉnh về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, cứu hộ cứu nạn đến năm 2020 và những năm tiếp theo; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về Khu vực phòng thủ; Đại hội thi đua quyết thắng LLVT thành phố giai đoạn 2019-2024. Xây dựng hệ thống văn kiện diễn tập Chi huy, cơ quan 1 bên, 2 cấp trên bản đồ có một phần thực binh năm 2024, thiết bị sở chỉ huy, sa bàn tại sở chỉ huy thống nhất. Làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ Hội đồng giáo dục Quốc phòng - An ninh Quân khu kiểm tra công tác giáo dục quốc phòng - an ninh nhiệm kỳ 2021-2025. Tổ chức rà soát công dân nam, tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2025. Phát động đợt thi đua cao điểm chào mừng kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, 35 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân.

### **1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cảnh quan môi trường**

#### **1.3.1. Thuận lợi, lợi thế**

Trong 9 tháng năm 2024 với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Thành ủy, sự giám sát có hiệu quả của HĐND thành phố, sự quản lý, điều hành linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả của UBND thành phố, sự nỗ lực, cố gắng, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố tiếp tục phát triển và đạt được nhiều kết quả toàn diện trên các lĩnh vực công tác. (1) Sâu sát, quyết liệt trong đôn đốc, có giải pháp thúc đẩy thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, Uông Bí là một trong những địa phương thuộc tốp đầu của tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công. (2) Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tiếp tục được đẩy mạnh. Đã hoàn thành và đưa Cụm Công nghiệp Phương Nam vào khai thác, tích cực phối hợp với chủ đầu tư thu hút nhà đầu tư thứ cấp, di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường vào Cụm công nghiệp. Tập trung xúc tiến, lựa chọn các nhà đầu tư đủ tiềm năng, thế mạnh, tầm nhìn đầu tư vào thành phố. (3) Các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, lao động, việc làm, văn hóa, xã hội, thể thao, tiếp tục được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được bảo đảm, hoàn thành Chú trọng phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 10/11/2023 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức

mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững. Tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Nhận diện bảo tồn và phát huy giá trị di sản vùng đất Uông Bí trong định hướng phát triển bền vững thành phố Uông Bí”. Hồ sơ đề cử danh thắng Yên Tử công nhận là di sản thế giới đang trong giai đoạn được UNESCO thẩm định. (4) Công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; kỷ cương, kỷ luật hành chính được duy trì và giữ vững. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn. (5) Thực hiện hiệu quả phương châm “3 trước, 4 tại chỗ” góp phần tích cực trong công tác phòng, chống thiên tai, đã hạn chế được thấp nhất thiệt hại do bão số 3 gây ra, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc khắc phục nhanh chóng các thiệt hại. Mặc dù đã chủ động phòng, chống, ứng phó với cơn bão số 3 nhưng do nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của bão nên thành phố vẫn bị ảnh hưởng nặng nề tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội. (6) Triển khai đồng bộ các mặt công tác quốc phòng, quân sự địa phương, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **1.3.2. Tồn tại, hạn chế**

- Tình hình đơn thư tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, hoạt động tôn giáo, tai nạn giao thông trên địa bàn có thời điểm vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, cần tiếp tục quan tâm, tập trung chỉ đạo.

- Công tác thu ngân sách nhà nước tuy đạt và vượt so với kế hoạch và cùng kỳ nhưng vẫn còn một số khoản thu chưa đạt tiến độ (thu doanh nghiệp nhà nước trung ương, tiền sử dụng đất, thuế bảo vệ môi trường. Trong đó thu doanh nghiệp nhà nước trung ương do Cục thuế quản lý thu).

- Công tác quản lý nhà nước tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn một số vi phạm nhỏ lẻ về trật tự xây dựng, môi trường.

- Công tác GPMB một số dự án cơ bản đảm bảo tiến độ, tuy nhiên tiến độ thực hiện dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài còn chưa đảm bảo theo chỉ đạo chung do một số hộ chưa đồng thuận, không phối hợp thực hiện công tác GPMB (12 hộ chưa nhận tiền, bàn giao mặt bằng; 06 hộ đã nhận tiền đền bù và ký biên bản bàn giao đất nhưng sau đó không bàn giao mặt bằng).

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do: (1) Sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ có thời điểm chưa chặt chẽ; (2) Thị trường bất động sản trầm lắng. Theo luật đất đai năm 2024 vừa có hiệu lực giá đất có thay đổi, nhưng chưa có Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất mới lên thu tiền sử dụng đất từ đất nhỏ lẻ, xen kẹt, dôi dư, đủ điều kiện chuyển mục đích, cấp mới... tạm dừng từ

01/8/2024 đến nay chưa có căn cứ để tiếp tục thực hiện. Dự án công viên nghĩa trang Thiên Phúc Vĩnh Hằng nằm trong kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí (50 tỷ đồng), đến nay dự án chưa được tỉnh phê duyệt giá đã làm ảnh hưởng đến công tác thu tiền cấp quyền sử dụng đất. Sản lượng của ngành than có sự sụt giảm so với cùng kỳ. (3) Cơ chế chính sách về công tác bồi thường, GPMB còn bất cập, đồng thời đang trong giai đoạn chuyển giao (Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024). (4) Ý thức chấp hành pháp luật về xây dựng, trật tự đô thị; chấp hành Luật An toàn giao thông của một số người dân chưa nghiêm túc.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

### 2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

#### 2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí. UBND thành phố Uông Bí đã triển khai việc giao đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm qua. Các kết quả thực hiện dự kiến đến 31/12/2024 được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Uông Bí.**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/{(5)- (4)}*100
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	19.953,00	19.435,08	19.795,35	-157,65	30,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.455,59	1.328,79	1.408,96	-46,63	36,78
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	899,49	811,79	880,12	-19,37	22,09
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	556,10	517,00	528,84	-27,26	69,72
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	235,73	222,59	233,98	-1,75	13,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.434,60	2.356,70	2.403,58	-31,02	39,82
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.338,43	2.338,43	2.338,43	0,00	100,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.479,62	2.478,77	2.478,77	-0,85	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.405,67	9.170,78	9.376,76	-28,91	12,31
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.297,01	3.297,01	3.297,01		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.579,68	1.512,17	1.528,23	-51,45	76,20
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.9	Đất làm muối	LMU					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,68	26,86	26,63	-0,23	92,77

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.204,57	5.729,65	5.366,86	162,29	30,91
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	52,61	53,65	52,81	0,20	18,81
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	653,27	750,92	655,16	1,89	1,93
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,21	20,17	20,21	0,00	6,61
2.4	Đất quốc phòng	CQP	168,51	199,91	168,51	0,00	0,00
2.5	Đất an ninh	CAN	85,65	90,97	85,82	0,17	3,29
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	129,87	133,32	129,65	0,22	6,52
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,68	16,78	15,69	0,01	0,58
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,52	1,52	1,52	0,00	100,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,14	13,14	13,14	0,00	100,00
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	83,16	85,52	82,93	0,23	9,60
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,08	16,08	16,08	0,00	100,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,28	0,28	0,28	0,00	100,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.237,70	1.445,17	1.266,61	28,91	13,93
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,65	62,65	62,65	0,00	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT					
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,23	34,59	31,23	0,00	0,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	357,49	369,48	360,82	3,33	27,79
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	786,33	978,45	811,91	25,58	13,31
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.294,90	1.470,30	1.440,05	145,15	82,76
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	961,42	1.138,05	1.111,64	150,22	85,05
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	91,91	88,89	86,84	-5,07	168,24
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT					
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC					
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,26	26,26	26,26	0,00	100,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	26,19	26,18	26,19	0,00	100,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	158,68	160,39	158,68	0,00	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,46	0,46	0,00	100,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,53	7,60	7,53	0,00	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,46	22,46	22,46	0,00	100,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	43,04	43,04	43,04	0,00	100,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,05	14,15	14,05	0,00	100,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	89,89	90,00	89,80	0,09	81,84
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.398,10	1.399,52	1.384,42	13,68	98,92

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	216,56	216,57	216,56	0,00	56,99
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.181,54	1.182,96	1.167,85	13,69	98,72
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,74	18,53	16,74	0,00	0,00
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	522,06	514,90	517,42	-4,64	64,83
	Trong đó:						
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	114,40	107,24	109,76	-4,64	64,82
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	355,93	355,93	355,93	0,00	100,00
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	51,72	51,72	51,72	0,00	100,00
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					

### a. Tổng diện tích tự nhiên

Tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố theo phương án kế hoạch sử dụng được duyệt là 25.679,63 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024. Cụ thể kết quả thực hiện các loại đất như sau:

### b. Nhóm đất nông nghiệp

Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt là 19.435,08ha, Dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 19.797,35 ha, đạt 30,44% so với chỉ tiêu được duyệt. Trong đó:

*Đất trồng lúa:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 1.328,79 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1.408,96 ha, chưa chuyển mục đích 80,17 ha đất lúa sang mục đích khác, đạt 36,78% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất trồng cây hàng năm:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 222,59 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 233,98 ha, chưa chuyển mục đích 11,39 ha đất trồng cây hàng năm sang mục đích khác, đạt 13,35% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất trồng cây lâu năm:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 2.356,70 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 2.403,58 ha, chưa chuyển mục đích 46,89 ha đất trồng cây lâu năm sang mục đích khác, đạt 39,82% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất rừng phòng hộ:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 2.478,77 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 2.478,77 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

*Đất rừng đặc dụng:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 2.338,43 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 2.338,43 ha, không thay đổi so với hiện trạng 2023,

*Đất rừng sản xuất:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 9.170,78ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 9.376,76 ha, chưa chuyển mục đích 205,99 ha đất rừng sản xuất sang mục đích khác, đạt 12,31% so với kế hoạch được phê duyệt.

*Đất nuôi trồng thủy sản:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 1.512,17 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1.528,23 ha, chưa chuyển mục đích 16,07 ha từ đất nuôi trồng thủy sản sang mục đích khác, đạt 76,20% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất nông nghiệp khác:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 26,86 ha dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 26,63 ha, chưa thực hiện 0,23 ha, Đạt 92,77% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

### **c. Nhóm đất phi nông nghiệp**

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2024 của thành phố được UBND tỉnh phê duyệt là 5.729,65 ha, dự kiến đến hết năm 2024 thực hiện được 5.366,86 ha, chưa thực hiện 362,79 ha, đạt 93,67% cụ thể như sau:

*Đất ở tại nông thôn:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 53,65 ha; dự kiến đến 31/12/2024 hiện được là 52,81 ha, chưa thực hiện 0,84 ha, đạt 18,81% so với chỉ tiêu được duyệt.

*Đất ở tại đô thị:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 750,92 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 655,16 ha, chưa thực hiện được 95,77 ha, đạt 1,93% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất quốc phòng:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 199,91 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 168,51 ha, chưa thực hiện 31,40 ha , chưa thực hiện chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất an ninh:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 90,97 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 85,82 ha, chưa thực hiện 5,15 ha, đạt 3,29% so với chỉ tiêu được phê duyệt

*Đất văn hoá:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 16,87 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 15,69 ha, chưa thực hiện 1,09 ha, đạt 0,58% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 85,52 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 82,93 ha, chưa thực hiện 2,59 ha, đạt 9,60% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất thương mại, dịch vụ:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 34,59 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 31,23 ha, chưa thực hiện 3,36 ha, chưa thực hiện chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 369,48 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 360,82 ha, chưa thực hiện 8,66 ha, đạt 27,79% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 978,45 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 811,91 ha, chưa thực hiện 166,54 ha, đạt 13,31% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất giao thông:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 1.138,05 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1.111,64 ha, chưa thực hiện 26,41 ha, đạt 85,05% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất thủy lợi:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt 88,89 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 86,84 ha, chưa thực hiện chuyển mục đích 2,06 ha sang mục đích khác, đạt 168,24% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 160,39 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 158,68 ha, chưa thực hiện 1,71 ha, chưa thực hiện với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất chợ đầu mối, chợ dân sinh:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 7,60 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 7,53 ha, chưa thực hiện 0,07 ha, chưa thực hiện so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, cơ sở lưu trữ tro cốt:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 90,00 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 89,80 ha, chưa thực hiện 0,21 ha, đạt 81,84% so với kế hoạch đã được tỉnh phê duyệt.

*Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 1.182,96 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1.167,85 ha, chưa thực hiện chuyển mục đích từ đất sông, suối, ao hồ, kênh rạch sang mục đích khác 15,10ha, đạt 98,72% so với chỉ tiêu được phê duyệt.

*Đất phi nông nghiệp khác:* Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 18,53 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 16,74 ha, Chưa thực hiện so với chỉ tiêu được phê duyệt.

#### **d. Nhóm đất chưa sử dụng**

Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt là 514,90 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 517,42 ha, chưa chuyển mục đích 2,52 ha sang đất có mục đích sử dụng khác, đạt 64,83% so với chỉ tiêu đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các hạng mục công trình trong KHSDD năm 2024**

Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Ông Bí. Tổng số công trình, dự án được duyệt của thành phố là 102 dự án. Trong đó:

**a, Công trình, dự án đã và đang thực hiện.**

- Số công trình, dự án đã thực hiện xong: 20 dự án, đạt 19,61% với tổng diện tích 84,33 ha. Trong đó: có 07 dự án đã có Quyết định giao/thuê đất; 13 dự án chưa hoàn thiện thủ tục giao/thuê đất.

- Số công trình, dự án đang thực hiện: 36 dự án, đạt 35,29% với tổng diện tích 452,96 ha.

**b, Công trình, dự án chưa thực hiện .**

Năm 2024, số dự án chưa thực hiện: 35 dự án, chiếm 34,3% với tổng diện tích 246,21 ha.

**c, Công trình, dự án không thực hiện đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất, không chuyển tiếp sang kế hoạch 2025.**

Trong tổng số 46 dự án chưa thực hiện trong năm 2024 thì có 11 dự án không đủ điều kiện chuyển tiếp sang 2025 hoặc không còn nhu cầu thực hiện, chiếm 10,78%.

**Bảng 02: Danh mục công trình đã thực hiện xong trong năm 2024**

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Đánh giá tiến độ
1	Dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ thải Tiểu khu 33 Than Thùng	Công ty than Nam Mẫu - TKV	24,48	Đã xong, đã được giao đất tại Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 06/02/2022
2	Bến xe phía Tây thành phố	Công ty Minh Huệ	2,35	Đã xong, đã được giao đất tại Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 09/04/2020 và QĐ số 2425/QĐ-UBND ngày 26/07/2021 (tổng diện tích đã cho thuê là 17.351,2m <sup>2</sup> )
3	Hệ thống thiết bị, hạ tầng phục vụ tiếp nhận than từ mỏ Đồng Vông đến Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2, tại phường Vàng Danh, thành phố Ông Bí	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	1,61	Đã xong, đã được giao đất tại Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 05/12/2023

4	Trường mầm non Phương Nam, phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,31	Đã xong, đã được giao đất tại Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 12/09/2024
5	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,08	Đã xong, không làm biên bản giao đất, dự án không chuyển mục đích sử dụng đất, đưa vào kế hoạch để phục vụ thanh, quyết toán.
6	Chỉnh trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ quốc lộ 18 đến nhà văn hóa, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,62	Đã xong, không làm biên bản giao đất, dự án không chuyển mục đích sử dụng đất, đưa vào kế hoạch để phục vụ thanh, quyết toán.
7	Mặt bằng xin giao đất khu dân cư thôn 3, xã Phương Nam (nay là khu Bạch Đằng 2, phường Phương Nam)	UBND phường Phương Nam	0,02	Mặt bằng xin giao đất thôn 3 xã phương Nam (nay là tổ 2, khu Bạch Đằng 2, phường Phương Nam), thành phố Uông Bí được UBND thị xã Uông Bí (nay là thành phố) phê duyệt năm 2000.

**Bảng 03. Danh mục các công trình dự án đã thực hiện xong đang hoàn thiện****thủ tục giao đất/ Cho thuê đất.**

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)
1	Khu quân sự số 92	Bộ CHQS tỉnh	23,87
2	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	UBND xã Thượng Yên Công	0,17
3	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 10 đến chợ công khu Hiệp An 2, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	1,51
4	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối với đường tránh phía Nam thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	8,75
5	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	5,50
6	Công trình Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí; Hạng mục: Đoạn làm mới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,09
7	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,43
8	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ ngã tư Trần Phú – Lụng Xanh đến cầu Trung Đoàn, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	0,45
9	Đầu tư nâng cấp sửa chữa công trình lâm sinh đường tuần tra bảo vệ Phòng cháy chữa cháy rừng, phục hồi tái sinh rừng khu vực đầu nguồn suối Lụng Xanh và đôi Bình Hương,	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	2,25

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích dự
	thành phố Uông Bí		
10	Xây dựng đường từ cầu Bắc Sơn đến cầu Vành Lược thuộc dự án đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	9,72
11	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ lộ 175 nhiệt điện Uông Bí đến TBA 110kV Chợ Rộc, thị xã Quảng Yên	Tổng công ty điện lực Miền Bắc - Ban QL dự án phát triển điện lực	1,08
12	Trạm biến áp 220kV Yên Hưng tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên và tuyến đường dây đấu nối từ đường dây 220kV Uông Bí - Trảng Bạch tại thành phố Uông Bí	Tổng công ty điện lực Miền Bắc - Ban QL dự án phát triển điện lực	0,53
13	Trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 6 thuộc Chi cục quản lý thị trường-Sở Công Thương tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	Cục quản lý thị trường tỉnh	0,51

**Bảng 04. Danh mục các công trình dự án đang thực hiện một phần (đã có Quyết định giao đất/ Cho thuê đất/đấu giá quyền SDD một phần diện tích).**

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích dự án (ha)
1	Tuyến đường từ quốc lộ 18 cũ vào trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Phương Đông	0,603
2	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Thanh Sơn	2,61
3	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Thanh Sơn, Yên Thanh	3,73
4	Chỉnh trang tuyến đường Lụng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lụng Xanh, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Quang Trung	2,36
5	Xử lý sạt lở mái ta tuy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Vàng Danh	1,40
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3 phường Quang Trung - thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Quang Trung	1,44
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen kẹt tại tổ	Trung tâm PTQĐ	Quang Trung	0,41

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích dự án (ha)
	45C, khu 12, phường Quang Trung thành phố Uông Bí			
8	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở dân cư khu 9 phường Quang Trung	Trung tâm PTQĐ	Quang Trung	2,30
9	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Phương Đông	0,47
10	Khu tái định cư phía Tây ngã ba Cầu Sến, phường Phương Đông	Trung tâm PTQĐ	Phương Đông	3,84
11	Quy hoạch cấp đất ở dân cư tại khu Điền Công 3 (giai đoạn 1)	Trung tâm PTQĐ	Trung Vương	0,71
12	Mở rộng Nhà máy sản xuất, chế biến nhựa thông tại phường Phương Đông thành phố Uông Bí	Công ty cổ phần thông Quảng Ninh	Phương Đông	5,35
13	Mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp mặt bằng tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	Công ty TNHH xây dựng và vận tải Hưng Thịnh	Bắc Sơn	25,12
14	Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư phía đông cầu Miếu Thán 2 tại tổ 5, khu 7, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Vàng Danh	0,04
15	Điều chỉnh Mặt bằng sử dụng đất Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tổ 20A, khu 8 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Vàng Danh	0,11
16	Quy hoạch xen kẹp tại tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Quang Trung	0,03
17	Quy hoạch khu dân cư tự xây thôn Tân Lập xã Phương Đông (nay là khu Tân Lập 1, phường Phương Đông) thành phố Uông Bí	Trung tâm PTQĐ	Phương Đông	0,05
18	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	Ban công trình GT tỉnh	Quang Trung, Trung Vương, Yên Thanh, Phương Đông, Phương Nam	148,30
19	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Phương Đông, Phương Nam	10,66
20	Hạ tầng theo quy hoạch chi tiết 1/500 Nhà Văn Hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại Khu tân Lập 1, phường Phương Đông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP, Quỹ đất	Phương Đông	2,16
21	Khu tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành	Trung tâm PTQĐ	Yên Thanh	7,36

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích dự án (ha)
	phố Uông Bí			
22	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	Trung tâm PTQĐ	Phương Đông	1,96
23	Xây dựng công trình TĐ37/UB-QN	Bộ CHQS tỉnh	Nam Khê	1,133
24	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thành phố Uông Bí/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh/Quân khu 3	Bộ CHQS tỉnh	Yên Thanh	3,06
25	Khu đất hoán đổi cho trại giam tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án tuyến đường ven sông tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí.	Trung tâm PTQĐ	Phương Nam	5,34
26	Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ via V4:8A mỏ than Vàng Danh	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Vàng Danh	126,30
27	Dự án đầu tư xây dựng bãi thải nhà máy sàng tuyển than nam mầu	Cty than Nam Mầu	Thượng Yên Công	23,57
28	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến công ty kho vận Đá Bạc-Vinacomin)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Phương Đông	1,83
29	Tuyến đường giao thông dẫn vào trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Yên Thanh	0,973
30	Xử lý sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn khe giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP	Thượng Yên Công	2,01
31	Trụ sở chính trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Trường Cao đẳng công nghiệp và xây dựng	Phương Đông	12,41
32	Nâng cao tính không đường dây 110kV Xi măng Chinfon và đường dây 110kV Xi măng Hải Phòng thuộc dự án: Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP - Chinfon Hia Phòng	Phương Nam	0,10
33	Khu trung tâm hành chính- chính	Ban Quản lý	Nam Khê	0,45

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích dự án (ha)
	trị phường Nam Khê (Hạng mục: xây dựng nhà bia liệt sỹ phường Nam Khê, thành phố Uông Bí)	dự án đầu tư xây dựng TP		
34	Khu khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp thuộc phường Trung Vương và phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Quảng Ninh	Nam Khê Trung Vương	48,77
35	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại khu Điện Công 3, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	Công ty TNHH MTV Gideon	Trung Vương	
36	Trang trại chăn nuôi gia cầm của ông Đoàn Văn Chiến tại thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	UBND xã Thượng Yên Công	Thượng Yên Công	6,00

**Bảng 05. Danh mục các công trình dự án không còn nhu cầu hoặc không đủ điều kiện thực hiện tiếp (không chuyển tiếp sang kế hoạch 2025).**

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Loại Đất Lấy vào	Lý do
1	Cửa hàng xăng dầu Miếu Bông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại than Uông Bí	0,37	CLN	Quá 02 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024, chưa hoàn thiện thủ tục về pháp luật đầu tư.
2	Đất giáo dục tại khu đô thị Phường Trung Vương (Cty Công Thành)	Phòng Quản lý đô thị	1,02	BCS	Quá 02 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024
3	Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 3, khu 5A, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	UBND phường Vàng Danh	0,04	BCS	Quá 02 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024
4	Quy hoạch cấp đất dân cư tại khu Bí Trung 1, phường Phương Đông	UBND phường Phương Đông	0,03	BCS	Quá 02 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024
5	Điểm khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Công ty TNHH XD Thành Phát	16,73	RSX	Chưa được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai 2024
6	Khu khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp tại Hang Hùm, phường Quang Trung, thành phố	Công ty TNHH Thương mại và KD tổng	19,80	RSX, CLN, MNC	Chưa được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai 2024

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Loại Đất Lấy vào	Lý do
	Uông Bí	hợp Uông Bí			
7	Khu dân cư đô thị Yên Thanh (điều chỉnh mở rộng lần 3)		4,08	NTS,LUC, LUK,CLN..	Quá 02 năm chưa triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024
8	Dự án mở rộng bãi chế biến than Uông Thượng	Công ty cổ phần than Uông Bí-TKV	10,73	RSX	Chưa được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai 2024
9	Khu tái định cư Máng Lao tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Công ty kho vận Đá Bạc	7,79	BCS	Đất chưa bàn giao về cho thành phố quản lý, chưa đấu giá được
10	Mặt bằng xin giao đất khu dân cư tổ 6 khu 4 phường Thanh Sơn.	UBND phường Thanh Sơn	0,014	BCS	Không còn nhu cầu.
11	Nhà máy sản xuất công nghiệp phụ trợ tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí		1,28	LUC	Chưa được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai 2024

### 2.1.3. Đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Theo Quyết định số 278QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí. Tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 495,41 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 157,65 ha, đạt 30,44 % so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 113,42 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 46,63 ha, đạt 41,11% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 5,05 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1,75 ha, đạt 34,65% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 55,84 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 31,02 ha, đạt 55,55% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,85 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,85 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 245,85 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được 28,91 ha, đạt 11,76% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 74,4 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 51,45 ha, đạt 69,15% so với kế hoạch được duyệt;

\* *Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp* được phê duyệt là 8,81 ha. Chưa thực hiện được so với phương án Kế hoạch sử dụng đất đề ra.

\* *Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở* được phê duyệt là 2,18 ha, chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt.

*\* Kết quả chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư năm 2024*

Diện tích chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tính đến ngày 01/18/2024 thực hiện được 2,7ha và ở cả 10 phường, xã. Cụ thể: Bắc Sơn (0,2 ha); Nam Khê (0,08 ha); Phương Nam (0,65 ha); Quang Trung (0,21 ha); Vàng Danh (0,13ha); Thanh Sơn (0,52 ha); Trung Vương (0,12ha); Phương Đông (0,35ha); Yên Thanh (0,24 ha); Thượng yên Công (0,2ha).

**2.1.4. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

Theo Quyết định số 278QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí. Tổng diện tích đất nông nghiệp cần phải thu hồi là 327,92 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 149,62 ha, đạt 45,63 % so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất trồng lúa thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 106,52 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 43,3 ha, đạt 40,65% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây hàng năm khác thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 5,05 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 1,75 ha, đạt 34,65% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây lâu năm thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 33,36 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 16,68 ha, đạt 50% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng rừng phòng hộ thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 0,85 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,85 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng rừng sản xuất thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 108,55 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 28,91 ha, đạt 26,63% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng nuôi trồng thủy sản thu hồi theo kế hoạch năm 2024 diện tích là 73,59 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 51,45 ha, đạt 69,91% so với kế hoạch được duyệt;

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp bị thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 7,25 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 6,34 ha, đạt 87,45 % so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thu hồi trong theo kế hoạch năm 2024 là 1,56 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,00ha, chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt;

- Đất phát triển hạ tầng thu hồi trong theo kế hoạch 2024 diện tích là 4,13 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 4,13 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất sinh hoạt cộng đồng thu hồi theo kế hoạch 2024 là 0,04 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch được duyệt;

- Đất ở tại nông thôn thu hồi theo kế hoạch 2024 là 0,01 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch được duyệt;

- Đất ở tại đô thị thu hồi theo kế hoạch 2024 diện tích là 1,41 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,93 ha, đạt 65,96% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thu hồi theo kế hoạch 2024 là 0,1ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,1ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

#### **2.1.5. Đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 7,95 ha, dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 4,64 ha, đạt 58,36% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể diện tích đất chưa sử dụng đã đưa vào sử dụng vào các mục đích như sau:

- Đất phát triển hạ tầng dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 4,33 ha, đạt 85,76% so với kế hoạch được duyệt .

- Đất ở tại đô thị dự kiến đến 31/12/2024 thực hiện được là 0,31 ha, đạt 12,11% so với kế hoạch được duyệt.

### **2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

#### **2.2.1. Những mặt đạt được**

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất đã tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, trình tự, nội dung theo quy định Luật Đất đai quy định. Việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất, cấp GCNQSDĐ đã bám sát và tuân thủ quy hoạch, KHSDĐ đã được phê duyệt.

Nhìn chung, việc thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trong kế

hoạch sử dụng đất đến năm 2024 của Thành phố đã bám sát theo Quyết định được duyệt và về cơ bản đã đạt được theo các chỉ tiêu Tỉnh đề ra. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và cố gắng bảo vệ chống thoái hoá đất, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã cơ cấu lại việc sử dụng đất phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp nông thôn phù hợp với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, hạn chế có hiệu quả việc chuyển đất lúa nước sang mục đích sử dụng khác.

Đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị được mở rộng cơ bản đáp ứng nhu cầu của thời kỳ đẩy mạnh đô thị hoá, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố. Khai thác tốt quỹ đất chưa sử dụng xen kẽ trong các khu dân cư để chỉnh trang đô thị, quy hoạch, xây dựng, cải tạo các khu dân cư, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và cải thiện về nhà ở cho nhân dân.

### **2.2.2. Những tồn tại, hạn chế**

- Một số công trình vẫn chưa được thực hiện do còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ thủ tục (chủ trương đầu tư, gia hạn dự án, trình HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất) để triển khai thực hiện dự án. Một số dự án đầu tư công đã triển khai thi công xong nhưng Chủ đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục giao đất để kết thúc dự án.

## **2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.**

### **2.3.1. Nguyên nhân.**

- Một số người dân chưa đồng tình việc thu hồi, giải phóng mặt bằng dẫn đến tiến độ triển khai dự án chậm;

- Thị trường bất động sản trong năm 2024 còn trầm lắng, nhiều ô đất đưa ra đấu giá nhiều lần nhưng rất ít người tham gia, dẫn đến một số dự án đấu giá chưa được đánh giá hoàn thành;

- Do có sự thay đổi của Luật Đất đai, một số dự án phải hoàn thiện thủ tục để đảm bảo đủ điều kiện được giao đất. Mặt khác, hiện nay Tỉnh mới ban hành bảng giá đất điều chỉnh, do đó dẫn đến một số dự án chưa xác định được giá khởi điểm để đấu giá và xác định giá đất khi thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

### III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

#### 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ

Theo Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Chỉ tiêu phân bổ của thành phố Uông Bí được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 6: Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Cấp tỉnh phân bổ (Theo QĐ 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023)
(1)	(2)	(3)	(4)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>25.679,63</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>17.694,00</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	952,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>668,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.734,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.198,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.318,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.582,00
	<i>Trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>3.297,01</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.908,00</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	198,00
2.2	Đất an ninh	CAN	101,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	280,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	159,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	248,00
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	660,00
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.348,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.448,00
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.439,00</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>155,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>88,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>65,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>169,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>105,00</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>168,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Cấp tính phân bổ (Theo QĐ 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023)
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	
-	Đất kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	27,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	60,00
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	141,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	64,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.043,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	11,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>77,63</b>
II	Khu chức năng		
1	Đất khu công nghệ cao*	KCN	
2	Đất khu kinh tế*	KKT	2.525,00
3	Đất đô thị*	KDT	18.931,00
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	582,00
5	Khu lâm nghiệp (khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	15.453,00
6	Khu du lịch	KDL	3.980,00
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	17.674,00
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	2.665,00
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	
10	Khu thương mại- dịch vụ	KTM	224,00
11	Khu đô thị- thương mại-dịch vụ	KDV	
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	719,00
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	

### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch của thành phố Uông Bí đã được các ngành

dựa trên nguồn lực hiện có, nguồn lực đầu tư công trung hạn và các nguồn lực khác đảm bảo sự phát triển nền kinh tế xã hội thành phố đến năm 2030 nói chung và năm 2025 nói riêng.

*\* Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp*

Đối với nhóm đất nông nghiệp, ngoài việc giảm diện tích đất sang mục đích phi nông nghiệp để phục vụ quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá trong quá trình phát triển để đáp ứng các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, đối với thành phố Ôông, ngành nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, đặc biệt là trong nhiệm vụ giải quyết nhu cầu lương thực, thực phẩm trong giai đoạn hiện tại và tương lai. Do vậy, trong giai đoạn tới ngành nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hàng hoá tập trung, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp cao, bền vững với môi trường. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó nhu cầu diện tích đất nông nghiệp đến hết năm 2025 như sau:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp 19.392,84 ha. Cụ thể:

- Đất trồng lúa 1.322,44 ha;

+ Trong đó: Đất chuyên lúa nước 816,25 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác: 218,42 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 2.345,44 ha;

- Đất rừng phòng hộ: 2.478,77 ha;

- Đất rừng đặc dụng: 2.338,43 ha;

- Đất rừng sản xuất: 9.195,87 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1.463,65 ha;

- Đất chăn nuôi tập chung: 0,00 ha;

- Đất nông nghiệp khác: 29,81 ha;.

*\* Nhu cầu sử dụng đất cho ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*

Đối với thành phố Ôông Bí, công nghiệp hoá là xu thế tất yếu cho phát triển kinh tế xã hội địa phương. Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo nhu cầu sử dụng đất cho lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố sẽ ngày một tăng cao. Thành phố có nhiều lợi thế cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, sản xuất hàng hoá, chế biến nông, lâm sản, khai thác khoáng sản. Ngoài ra, thành phố cũng trú trọng đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, nhằm tạo điều kiện thu hút, phát triển các ngành nghề truyền thống, để dần dần tiến tới phát triển thành các khu tiểu thủ công nghiệp, thu hút các doanh

ngành vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Nhu cầu sử dụng đất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của thành phố dự kiến như sau:

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 1.467,71 ha; trong đó:
- + Đất cụm công nghiệp: 62,65 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 406,19 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ: 34,31 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 964,56 ha.

\* *Nhu cầu sử dụng đất cho ngành thương mại, dịch vụ*

Với thành phố Ông Bí, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực không những đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giải quyết một khối lượng lớn việc làm cho người dân, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tăng tích lũy cho ngân sách của thành phố. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch là đòn bẩy để phát triển sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, trong đó:

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến hết năm 2025 là 34,31 ha. Đây là diện tích đất để phát triển hệ thống các cửa hàng, khu thương mại, dịch vụ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, doanh nghiệp,....

- Diện tích đất chợ đến hết năm 2025 là 7,59 ha. Đây là diện tích để phát triển mạng lưới giao thương buôn bán của người dân trên địa bàn thành phố.

### **3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất**

Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Ông Bí với tổng số công trình là 102 công trình. Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân thành phố đã chỉ đạo, thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Ông Bí nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển về kinh tế - xã hội. Đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh Quảng Ninh nói chung

**Bảng 07: Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết của thành phố Ông Bí**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
			Tổng số Tăng(+), Giảm (-)	Trong đó:	
				Diện tích chuyển sang năm sau	Diện tích huỷ bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>360,27</b>	<b>319,83</b>	<b>40,44</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	80,17	75,71	4,46

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
			Tổng số Tăng(+), Giảm (-)	Trong đó:	
				Diện tích chuyển sang năm sau	Diện tích huỷ bỏ
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	68,33	65,13	3,20
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	11,84	10,58	1,26
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	11,39	11,39	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	46,89	43,27	3,62
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	205,99	173,63	32,36
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,07	16,07	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-0,23	-0,23	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>-362,79</b>	<b>-408,74</b>	<b>45,95</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-0,84	-0,84	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-95,77	-100,21	4,44
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,04	0,04	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-31,40	-31,40	
2.5	Đất an ninh	CAN	-5,15	-5,15	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-3,67	-3,67	
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-1,09	-1,09	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,00	0,00	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	-2,59	-2,59	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,00	0,00	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-178,56	-217,57	39,01
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-3,36	-3,73	0,37
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-8,66	-9,94	1,28
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-166,54	-203,90	37,36
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	-30,24	-30,24	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	-26,41	-26,41	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
			Tổng số Tăng(+), Giảm (-)	Trong đó:	
				Diện tích chuyển sang năm sau	Diện tích huỷ bỏ
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-2,06	-2,06	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD			
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,00	0,00	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-1,71	-1,71	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,00	0,00	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-0,07	-0,07	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,00	0,00	
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,00	0,00	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-0,08	-0,08	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	-0,21	-0,21	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	-15,11	-17,61	2,50
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,00		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-15,10	-17,60	2,50
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-1,80	-1,80	
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2,52</b>	<b>2,01</b>	<b>0,51</b>
	Trong đó:				
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	2,52	2,01	0,51
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

Quy trình triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 còn gặp một số vấn đề khó khăn về chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất. Khó khăn về nguồn vốn thực hiện, nhiều khu đất dự án đã được giao đất để thực hiện GPMB nhưng chậm triển khai để đất hoang hóa hoặc bị lấn chiếm, xây dựng công trình trái phép gây khó khăn trong việc quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng và quy chủ sử dụng đất, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giải phóng mặt bằng dự án

dẫn đến thời gian triển khai các dự án kéo dài, không hoàn thành kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Ông Bí.

Tuy nhiên đây là tình hình chung của cả tỉnh cũng như các huyện, thị. Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Ông Bí đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng hết là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và được chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố.

### **3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.**

Tổng số 96 công trình, dự án, trong đó:

- Đất giao thông: Đăng ký 24 công trình, dự án;
- Đất công trình năng lượng: Đăng ký 03 công trình, dự án;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đăng ký 05 công trình, dự án;
- Đất cơ sở thể dục thể thao: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất xã hội: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất chợ: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất quốc phòng: Đăng ký 03 công trình, dự án;
- Đất an ninh: Đăng ký 02 công trình, dự án;
- Đất nông nghiệp khác: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất ở tại đô thị: Đăng ký 28 công trình, dự án;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Đăng ký 11 công trình, dự án;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đăng ký 08 công trình, dự án;
- Đất trụ sở cơ quan: Đăng ký 02 công trình, dự án;
- Đất thương mại dịch vụ: Đăng ký 03 công trình, dự án;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đăng ký 01 công trình, dự án;
- Đất nuôi trồng thủy sản: Đăng ký 01 công trình, dự án.

*(Thể hiện ở Biểu 25/CH: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của TP.Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh)*

## 3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

**Bảng 08: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và hiện trạng sử dụng đất năm 2024**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích 2024	Diện tích 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>25.679,63</b>	<b>25.679,63</b>	<b>0,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>19.795,35</b>	<b>19.392,84</b>	<b>-402,51</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.408,96	1.322,44	-86,51
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	880,12	816,25	-63,87
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	528,84	506,20	-22,64
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	233,98	218,42	-15,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.403,58	2.345,44	-58,14
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.338,43	2.338,43	0,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.478,77	2.478,77	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.376,76	9.195,87	-180,89
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.297,01	3.297,01	0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.528,23	1.463,65	-64,58
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	26,63	29,81	3,18
2.	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.366,86	5.823,27	456,40
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	52,81	52,80	-0,01
2.2.	Đất ở tại đô thị	ODT	655,16	678,93	23,77
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,21	20,03	-0,18
2.4	Đất quốc phòng	CQP	168,51	195,44	26,93
2.5	Đất an ninh	CAN	85,82	91,33	5,51
2.6	Đất công trình sự nghiệp	DSN	129,65	130,69	1,04
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,69	16,57	0,88
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,52	1,72	0,20
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,15	13,07	-0,07
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	82,93	83,04	0,11
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	16,08	16,08	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,28	0,28	0,00
2.6.7	Đất cơ sở môi trường	DMT		0,00	0,00
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		0,00	0,00
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		0,00	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.266,61	1.467,71	201,10
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00	0,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,65	62,65	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích 2024	Diện tích 2025	So sánh
2.7.3.	Đất khu công nghệ thông tin tập chung	SCT		0,00	0,00
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,23	34,31	3,08
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	360,82	406,19	45,37
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	811,91	964,56	152,65
2.8.	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.440,05	1.640,66	200,61
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.111,64	1.315,05	203,41
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	86,84	82,27	-4,57
2.8.3	Đất công trình cấp, thoát nước	DCT		0,00	0,00
2.8.4.	Đất công trình phòng chống thiên tai	DPC		0,00	0,00
2.8.5.	Đất có di tích lịch sử-văn hoá danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,26	26,26	0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	26,19	26,19	0,00
2.8.7.	Đất công trình năng lượng- chiếu sáng công cộng	DNL	158,68	160,39	1,71
2.8.8.	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,46	0,00
2.8.9.	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,53	7,59	0,06
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,45	22,45	0,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	43,04	43,04	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,06	14,14	0,08
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	89,80	89,75	-0,05
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.384,42	1.381,95	-2,47
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá.	MNC	216,56	216,56	0,00
2.12.2.	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.167,85	1.165,38	-2,47
2.13.	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,74	16,74	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	517,42	463,52	-53,90
	Trong đó:				0,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	109,76	57,79	-51,97
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	355,93	355,93	0,00
3.2	Núi đá không có rừng cây	NCS	51,72	49,79	-1,93
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0,00	0,00	0,00
4	Đất khu công nghệ cao*		0,00		0,00

**3.3.1. Tổng diện tích tự nhiên**

Tổng diện tích của thành phố Ông Bí theo phương án kế hoạch năm 2025 là 25.679,63 ha, diện tích không thay đổi so với diện tích hiện trạng năm 2024.

**3.3.2. Nhóm đất nông nghiệp**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố là 19.797,35 ha. Đến hết năm 2025 đất nông nghiệp giảm 402,51 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 19.392,04 ha.
- Diện tích giảm 403,31 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp. Đồng thời tăng 0,8ha do đất phi nông nghiệp và chưa sử dụng chuyển sang.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất nông nghiệp là 19.392,84 ha, chiếm 75,52% diện tích đất tự nhiên.

Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

**\* Đất trồng lúa**

Diện tích đất lúa của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 1.322,44 ha, chiếm 5,15% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1.322,44 ha.
- Diện tích giảm 86,51 ha so với hiện trạng năm 2024, do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất nuôi trồng thủy sản	8,01 ha;
+ Đất quốc phòng	3,01 ha;
+ Đất an ninh	3,63 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,90 ha;
+ Đất giao thông	69,53 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,27 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,21 ha;
+ Đất công trình năng lượng	0,08 ha;
+ Đất ở tại đô thị	0,79 ha;
+ Đất cơ sở tín ngưỡng	0,08 ha;

**\* Đất trồng cây hàng năm khác**

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 218,42 ha, chiếm 0,85% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 218,42 ha.
- Diện tích giảm 15,56 ha so với hiện trạng năm 2024, do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất giao thông	14,11 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,26 ha;

+ Đất ở tại đô thị	0,14 ha;
+ Đất cơ sở giáo dục	0,23 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,8 ha;
+ Đất năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,02 ha.

*\* Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích đất trồng cây lâu năm của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 2.345,44ha, chiếm 9,13% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 2.345,44 ha.
- Diện tích giảm 58,14 ha so với hiện trạng năm 2024. Do chuyển sang các loại

đất sau:

+ Đất nuôi trồng thủy sản	5,86 ha;
+ Đất chăn nuôi tập chung	3,18 ha;
+ Đất an ninh	0,62 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,61 ha;
+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	2,81 ha;
+ Đất giao thông	39,53 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,04 ha;
+ Đất công trình năng lượng	0,72 ha;
+ Đất chợ	0,04 ha;
+ Đất xã hội	0,12 ha;
+ Đất ở tại đô thị	0,61 ha;

*\* Đất rừng phòng hộ*

Diện tích đất rừng phòng hộ của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 2.478,77 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024, chiếm 9,65% diện tích tự nhiên.

*\* Đất rừng đặc dụng*

Diện tích đất rừng đặc dụng của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 2.338,43 ha. Diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024, chiếm 9,11% diện tích tự nhiên.

*\* Đất rừng sản xuất*

Diện tích đất rừng sản xuất của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 9.195,87 ha, chiếm 35,81% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 9.195,87 ha.
- Diện tích giảm 180.89 ha so với hiện trạng năm 2024, giảm do chuyển sang

các loại đất sau:

+ Đất quốc phòng	23,87 ha;
------------------	-----------

+ Đất dùng cho hoạt động khoáng sản	148,81 ha;
+ Đất giao thông	7,32 ha;
+ Đất xây dựng công trình năng lượng	0,89 ha;

*\* Đất nuôi trồng thủy sản*

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 1.463,65 ha, chiếm 5,70% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1.448,98 ha.
- Diện tích thực giảm 64,58 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể:

Tăng 14,67 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	8,01 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	5,86 ha;
+ Đất giao thông	0,30ha;
+ Đất thủy lợi	0,50ha.

Giảm 79,25 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất an ninh	0,76 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,50 ha;
+ Đất giao thông	56,48 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,06 ha;
+ Đất ở đô thị	17,45 ha;

*\* Đất nông nghiệp khác*

Diện tích đất nông nghiệp khác của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 29,81 ha, tăng 3,18 ha so với năm 2024, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là: 26,63 ha.
- Diện tích tăng 3,18 ha so với hiện trạng năm 2024, do đất trồng cây lâu năm chuyển sang.

**3.3.2. Nhóm Đất phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất thì đến hết năm 2025 đất phi nông nghiệp tăng 456,40 ha so với hiện trạng năm 2024, lấy từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất phi nông nghiệp là 5.823,27 ha, chiếm 22,68 % diện tích đất tự nhiên. Cụ thể như sau:

*\* Đất quốc phòng*

Diện tích đất quốc phòng của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 195,44 ha, chiếm 0,76% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 168,51 ha.
- Diện tích tăng 26,93 ha so với hiện trạng năm 2024, do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	3,01 ha;
+ Đất rừng sản xuất	23,87 ha;
+ Đất thủy lợi	0,02 ha;
+ Đất giao thông	0,02 ha;
+ Đất chưa sử dụng	0,01 ha.

*\* Đất an ninh*

Diện tích đất an ninh của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 91,33 ha, chiếm 0,36% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 85,82ha.
- Diện tích tăng 5,51ha, do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	3,63 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	0,62 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	0,76 ha;
+ Đất giao thông	0,06 ha;
+ Đất thủy lợi	0,16 ha;
+ Đất chưa sử dụng	0,28 ha;

*\* Đất cụm công nghiệp*

Diện tích đất cụm công nghiệp của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 62,65 ha, không thay đổi so với năm 2024, chiếm 0,24% diện tích tự nhiên.

*\* Đất thương mại, dịch vụ*

Diện tích đất thương mại, dịch vụ của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 34,31 ha, chiếm 0,13 diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 31,23 ha.
  - Diện tích tăng 3,08 ha so với hiện trạng năm 2024, do các loại đất sau chuyển sang:
- |                    |          |
|--------------------|----------|
| + Đất giao thông   | 0,16 ha; |
| + Đất chưa sử dụng | 2,92 ha. |

*\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 406,19 ha, chiếm 1,58% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 360,82 ha.
- Diện tích tăng 45,37 ha so với hiện trạng năm 2024 do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	0,9 ha;
-----------------	---------

+ Đất trồng cây hàng năm khác	0,8 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	4,61 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	4,50 ha;
+ Đất sông suối ao hồ	0,51 ha;
+ Đất thủy lợi	0,10 ha;
+ Đất giao thông	0,12 ha;
+ Đất chưa sử dụng	33,83 ha;

*\* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 964,56 ha, chiếm 3,76% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 811,91 ha.

- Diện tích tăng 152,65 ha so với hiện trạng hiện trạng năm 2024 do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng cây lâu năm	2,81 ha;
+ Đất rừng sản xuất	148,81 ha;
+ Đất thủy lợi	0,20 ha;
+ Đất giao thông	0,22 ha;
+ Đất ở tại đô thị	0,59 ha;
+ Đất sông suối ao hồ	0,01 ha;
+ Đất chưa sử dụng	0,01ha.

*\* Đất sử dụng vào mục đích công cộng*

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của thành phố đến hết năm 2025 là 1.640,66 ha, chiếm 6,39% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1.434,57 ha.

- Diện tích thực tăng so với hiện trạng năm 2024 là 200,61 ha để xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi, y tế, văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao, chợ, công trình bưu chính viễn thông, năng lượng, công trình nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội... Cụ thể như sau:

Tăng 206,09 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	69,61 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	1,4,13 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	40,29 ha;
+ Đất rừng sản xuất	8,21 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	56,48 ha;
+ Đất thủy lợi	3,57 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,86 ha;

+ Đất ở tại nông thôn	0,01 ha;
+ Đất ở tại đô thị	8,94 ha
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1,87 ha;
+ Đất chưa sử dụng	1,86 ha;
+ Đất trụ sở, cơ quan	0,18 ha;
+ Đất văn hoá	0,01 ha;
+ Đất giao thông	0,01ha;
+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ...	0,05 ha;

Giảm 5,48 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất quốc phòng	0,04 ha;
+ Đất an ninh	0,22 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	0,16 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,22 ha;
+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,42 ha;
+ Đất giao thông	3,57 ha;
+ Đất chợ	0,01 ha;
+ Đất ở tại đô thị	0,02 ha;
+ Đất nuôi trồng thuỷ sản	0,8 ha;
+ Đất giáo dục	0,02 ha

\* Đất công trình sự nghiệp

Diện tích đất công trình sự nghiệp của thành phố Uông Bí đến hết năm 2025 là 130,69 ha, chiếm 0,51% diện tích tự nhiên trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 128,68 ha.
- Diện tích thực tăng 1,04 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể:

Tăng 2,01 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	0,48 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	0,49 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	0,16 ha;
+ Đất y tế	0,07 ha;
+ Đất sông suối ao hồ...	0,08 ha;
+ Đất giao thông	0,01 ha;
+ Đất thủy lợi	0,01 ha;
+ Đất chưa sử dụng	0,72 ha;

Giảm 6,54 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất ở tại đô thị	0,02 ha;
--------------------	----------

+ Đất cơ sở văn hoá	0,07 ha;
+ Đất giao thông	0,87 ha;

## \* Đất ở tại nông thôn

Diện tích đất ở tại nông thôn của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 52,80 ha, chiếm 0,21% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

## \* Đất ở tại đô thị

Diện tích đất ở tại đô thị của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 678,93 ha, chiếm 2,64% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 645,63 ha.
- Diện tích thực tăng 23,77 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể:  
Tăng 33,30 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	0,79 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	0,14 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	0,61 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	17,45 ha;
+ Đất giao thông	0,01 ha;
+ Đất thủy lợi	0,01 ha;
+ Đất văn hoá	0,02 ha;
+ Đất chưa sử dụng	14,27 ha;

Giảm 9,53 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,59 ha;
+ Đất giao thông	8,94 ha;

## \* Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 20,03 ha. Giảm 0,18 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất giao thông.

## \* Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 43,04ha, không thay đổi so với năm 2024, chiếm 0,17% diện tích tự nhiên.

## \* Đất cơ sở tín ngưỡng

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 14,14 ha, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 14,07 ha.
- Diện tích tăng 0,08 ha, do đất trồng lúa chuyển sang.

## \* Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 1.381,95 ha, chiếm 5,38% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 1.381,95 ha.  
 - Diện tích giảm 2,47 ha so với hiện trạng năm 2024, do chuyển sang các loại đất sau

+ Đất khai thác khoáng sản	
+ Đất văn hoá	: 0,03 ha;
+ Đất xã hội	: 0,05 ha;
+ Đất giao thông	: 1,87 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,51 ha;
+ Đất khai thác khoáng sản	: 0,01 ha.

*\* Đất phi nông nghiệp khác*

Diện tích đất phi nông nghiệp khác của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 16,74 ha. Diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên.

### 3.3.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố Ông Bí đến hết năm 2025 là 463,52 ha, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 463,52 ha.  
 - Diện tích giảm 53,90 ha so với hiện trạng năm 2024. Do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất quốc phòng	0,01 ha;
+ Đất an ninh	0,28 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	2,92 ha;
+ Đất giao thông	1,86 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,24 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,45 ha;
+ Đất ở tại đô thị	14,27 ha.
+ Đất xã hội	0,03 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	33,83ha.
+ Đất khai thác khoáng sản	0,01 ha.

### 3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, thành phố Ông Bí tiến hành đưa 53,90 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích khác nhau:

- Đất quốc phòng	: 0,01 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 14,27 ha;
- Đất an ninh	: 0,28 ha;

- Đất văn hoá	: 0,24 ha;
- Đất xã hội	: 0,03 ha;
- Đất giáo dục, đào tạo:	: 0,45 ha
- Đất thương mại, dịch vụ	: 2,92 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 33,83 ha;
- Đất khai thác khoáng sản	: 0,01 ha;
- Đất Giao thông	: 1,86 ha;

(Cụ thể trình bày ở biểu 18/CH. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025).

### 3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2025.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích các loại đất cần thu hồi như sau:

\* Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi là 275,83 ha. Trong đó:

- Thu hồi đất trồng lúa: 77,60 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước 63,06 ha);
- Thu hồi đất trồng cây hàng năm khác: 14,76 ha;
- Thu hồi đất trồng cây lâu năm: 41,45 ha;
- Thu hồi đất rừng sản xuất: 84,33 ha;
- Thu hồi đất nuôi trồng thủy sản: 57,68 ha;

\* Tổng diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi 15,89 ha. Trong đó:

- Thu hồi đất ở tại nông thôn: 0,01 ha;
- Thu hồi đất ở tại đô thị: 8,93 ha;
- Thu hồi đất trụ sở cơ quan: 0,18 ha;
- Thu hồi đất văn hoá: 0,03 ha;
- Thu hồi đất giáo dục: 0,86 ha;
- Thu hồi đất giao thông: 0,11 ha;
- Thu hồi đất thủy lợi: 3,77 ha;
- Thu hồi đất nghĩa trang, nhà hỏa táng, cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,05 ha;
- Thu hồi đất Sông, suối, ao, hồ : 1,95 ha.

(Cụ thể trình bày ở biểu 19/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2025).

### 3.6. Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng năm 2025

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, dự kiến các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

\* Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: 403,31 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 78,50 ha; ;
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 15,56 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 49,10 ha;
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 180,89 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 79,25 ha;

- \* Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 8,01 ha. Trong đó:
  - Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 8,01 ha;
- \* Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập chung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập chung quy mô lớn: 0,00 ha.

\* Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp: 2,63 ha, trong đó:

- Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai : 2,59 ha;

- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 0,04 ha.

(Cụ thể trình bày ở biểu 20/CH. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025).

### **3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch**

(Chi tiết tại biểu 25/CH-danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025)

### **3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

#### **3.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Ông Bí - tỉnh Quảng Ninh được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND, ngày 27/12/2019 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024.

- Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND, ngày 14/12/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND, ngày 27/12/2019 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 và điều chỉnh một số vị trí trong bảng giá các loại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Ông Bí.

#### **3.8.2. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

a. *Dự kiến các khoản thu:* bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; do các chủ đầu tư thực hiện nộp tiền để cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp và các loại thuế liên quan đến đất đai.

b. *Dự kiến các khoản chi:* bao gồm chi cho việc bồi thường khi thu hồi đất, hỗ trợ tái định cư, đầu tư hạ tầng.

#### **3.8.3. Phương pháp tính toán**

\* *Đối với các khoản thu:*

- Thu tiền khi giao đất ở đô thị;
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn;
- Thu tiền khi giao đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp;
- Thu tiền khi cho thuê đất thương mại, dịch vụ;
- Dự kiến kinh phí cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất

*\* Đối với các khoản chi:*

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

*\* Về giá các loại đất:*

Lấy theo đơn giá đất trong quyết định số 42/2019/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 và Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND, ngày 14/12/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND, ngày 27/12/2019 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 và điều chỉnh một số vị trí trong bảng giá các loại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

*\* Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:*

Theo cơ chế bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất, và các hỗ trợ khác trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án.

#### **3.8.4. Kết quả tính toán**

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn thành phố trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 414.840,000 (*Bốn trăm mười bốn tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng*)

**Bảng cân đối thu chi trong năm kế hoạch 2025**

<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá (Triệu đồng/m<sup>2</sup>)</b>	<b>Thành Tiền (triệu đồng)</b>
I. Các khoản thu			1.037.100
Thu tiền khi giao đất ở đô thị	333.000	3,00	999.000
Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	10.000	1,81	18.100
Thu tiền khi cho thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0	0,70	0
Thu tiền khi cho thuê đất thương mại, dịch vụ	0	2,10	0
Dự kiến kinh phí cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất			20.000
II. Các khoản chi			0
Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực thu hồi đất và trả tiền đền bù khi thu hồi đất dự kiến khoảng 60% nguồn thu			622.260
Cân đối thu - chi (I-II)			
(Số kinh phí thu được từ đất còn lại sẽ đầu tư phát triển kinh tế xã hội và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai)			414.840

**Bốn trăm mười bốn tỷ tám trăm bốn  
mươi triệu đồng**

## IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

### 4.1. Giải pháp về nguồn vốn

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời đưa nội dung, nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất theo đúng phương án quy hoạch;

- Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn Thành phố; đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo, liên kết đào tạo;

- Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành, các lĩnh vực;

- Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình trong quy hoạch. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

- Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm: hỗ trợ giống cây con, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng một số mô hình thí điểm sau đó nhân rộng đồng thời lên phương án cụ thể cho việc bao tiêu sản phẩm; đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông viên cơ sở..

### 4.2. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, “lợi ích nhóm”. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững; tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử. Tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng vốn; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao tỷ lệ giải ngân gắn với chất lượng công trình và hoàn thành đúng tiến độ các dự án; ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức

hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông. Kiên quyết loại bỏ các rào cản bất hợp lý, các chi phí không chính thức; củng cố, đổi mới cơ chế, phát huy hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp phù hợp với xu hướng chuyển đổi số toàn diện. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số để tăng năng suất và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân có trọng tâm, trọng điểm.

- Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, ngày càng thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh. Phát triển sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu của tỉnh, tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế và thúc đẩy liên kết vùng. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khác.

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch; công nghiệp khai khoáng, điện, xi măng, cơ khí; du lịch tâm linh.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động;

- Đẩy mạnh đào tạo và có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật cho các ngành của Thành phố. Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết và vốn tự có trong nhân dân;

- Nguồn thu từ đất phải được sử dụng thoả đáng cho mục đích phát triển kinh tế lẫn vấn đề xã hội..

### **4.3. Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai**

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; khẩn trương hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện; xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai;

- Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất sạch, mặt bằng sản xuất sẵn sàng thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến chế tạo. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng đấu giá quyền sử dụng đất theo thị trường đảm bảo công khai, minh bạch. Rà soát, đánh giá hiện trạng từng khu công nghiệp, cụm công

ngành trên địa bàn thành phố về công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất, dự án đầu tư, môi trường, lao động, hạ tầng xã hội, đảm bảo an ninh trật tự, hiệu quả kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, có sai phạm, gây lãng phí đất đai... theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất đai, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai, tạo động lực phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, hiệu quả đối với địa phương; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai.

#### **4.4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

- Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của môi trường. Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên,... đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

- Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả;

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hiện tại đang nằm xen trong các khu dân cư đô thị di dời vào Cụm công nghiệp Phương Nam nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Bố trí đất cho các điểm công nghiệp phải có giải pháp kỹ thuật làm giảm thiểu tính độc hại của các chất thải đồng thời có biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường, phá hoại sự cân bằng môi trường sinh thái.

- Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế như: chế biến chế tạo, sản xuất điện, khai khoáng, du lịch, thương mại, tài chính, nông nghiệp và các lĩnh vực xã hội như: y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh.

#### **4.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch**

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt: tổ chức công bố, công khai và triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất được duyệt theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Đồng thời kiểm tra việc thực hiện kế sử dụng đất của các đơn vị đã đăng ký nhu cầu theo kế hoạch được duyệt nhằm sử dụng đất có hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền.

## KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 1. Kết luận

Việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu về đất cho những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả theo đúng các quy định của Luật Đất đai; định hướng cho các cấp, các ngành lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết, là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất... và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Đồng thời là một biện pháp hữu hiệu của nhà nước nhằm hạn chế việc sử dụng đất chông chéo, lãng phí, kém hiệu quả, ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, hủy hoại đất.

- Phương án được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý: Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ quy định cho tiết một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2021/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của các ngành, các phường, xã trong thành phố, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND thành phố đảm bảo tính khách quan, dân chủ.

- Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực KT-XH trên địa bàn phát triển đúng hướng, ổn định.

Kết quả xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Uông Bí, có thể rút ra những kết luận chính sau :

(1) Năm 2024 thành phố Uông Bí có tổng diện tích tự nhiên là 25.679,63 ha, trong đó đất nông nghiệp là 19.797,35 ha chiếm 77,09% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 5.366,86 ha, chiếm 20,90% tổng diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng là 517,42 ha, chiếm 2,01% tổng diện tích tự nhiên.

(2) Kết quả tính toán xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025, cơ cấu sử dụng đất của thành phố sẽ có những thay đổi đáng kể.

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp là 19.392,84 ha, giảm 402,51 ha so với hiện trạng chiếm 75,52% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó đất trồng lúa giảm 86,51 ha; Đất trồng cây hàng năm giảm 15,56 ha; đất trồng cây lâu năm giảm 58,14 ha; Đất rừng sản xuất giảm 180,89 ha; Đất nuôi trồng thủy sản thực giảm 64,58 ha; đất chăn nuôi tập chung tăng 3,18 ha.

- Diện tích nhóm phi nông nghiệp là 5.823,27 ha, tăng 456,40 ha so với năm hiện trạng, chiếm 22,68% tổng diện tích tự nhiên. Một số loại đất biến động như đất quốc phòng tăng 26,93 ha; Đất an ninh tăng 5,51 ha; Đất thương mại dịch vụ tăng 3,08 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng 45,37 ha; Đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản thực tăng 152,65 ha; Đất sử dụng vào mục đích công cộng thực tăng 200,61 ha; Đất ở tại đô thị thực tăng 23,77 ha; Đất cơ sở tín ngưỡng tăng 0,08 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2,47 ha. Bên cạnh đó một số loại đất không thay đổi diện tích so với năm 2024 như: Đất rừng đặc dụng; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng; Đất phi nông nghiệp khác...

- Diện tích đất chưa sử dụng là 463,52 ha chiếm 1,81 % tổng diện tích tự nhiên. Được đưa vào sử dụng và khai thác trong năm 2025 là 53,90 ha.

Từ những mục tiêu trên, Đảng bộ và chính quyền Thành phố cần phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, đồng thời phải có những biện pháp thực hiện tích cực để huy động được các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực nhằm khai thác hết tiềm năng của Thành phố, bên cạnh nhân tố nội lực, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài cũng rất quan trọng, không thể thiếu, mà trước hết là sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh Quảng Ninh.

## **2. Kiến nghị**

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, đề nghị:

- Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh quan tâm dành cho Thành phố những nguồn vốn ưu tiên để phương án được hoàn thành. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh sớm phê duyệt phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Uông Bí để Thành phố có cơ sở thực hiện tốt vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý trong việc thực hiện các nội dung của phương án trong kế hoạch, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố./.

# **HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU**